

Số: 1756/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện
trình độ đại học hệ chính quy**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Nghị quyết số 191/NQ-HĐHV ngày 12/4/2025 về Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-HV ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Đa phương tiện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học hệ chính quy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện được áp dụng từ khóa đào tạo 2025 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Phó Giám đốc Phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).



PGS.TS Trần Quang Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành (tiếng Việt):	Truyền thông đa phương tiện
Tên ngành (tiếng Anh):	Multimedia Communication
Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Truyền thông đa phương tiện
Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Multimedia Communication
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành:	7320104
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-HV ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được xây dựng nhằm đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, tư duy phản biện và năng lực chuyên môn cao; có khả năng phân tích, hoạch định và triển khai giải pháp truyền thông sáng tạo trong môi trường đa văn hoá và số hóa; có kiến thức chuyên môn toàn diện về truyền thông, xã hội và công nghệ, phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và quản lý dự án truyền thông; có năng lực sáng tạo, khả năng thích ứng và học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu phát triển của lĩnh vực truyền thông chuyên nghiệp, có trách nhiệm xã hội và sẵn sàng hội nhập toàn cầu. Đồng thời, chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện đảm bảo triết lý giáo dục “Tri thức – Sáng tạo – Đạo đức - Trách nhiệm” của Học viện, hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực “vừa có tài vừa có đức” để đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước và nhân loại.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông Đa phương tiện chuyên sâu về truyền thông số của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhằm đào tạo Cử nhân Truyền thông Đa phương tiện có thể:

PO1: Hoạt động nghề nghiệp truyền thông một cách chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức, đóng góp tích cực cho môi trường truyền thông đa văn hoá và liên ngành.

PO2: Giao tiếp chuyên nghiệp bằng lời nói, văn bản và hình ảnh; làm việc hiệu quả trong các nhóm đa ngành và môi trường đa văn hoá; đồng thời có khả năng dẫn dắt, phối hợp và quản lý dự án truyền thông để đáp ứng yêu cầu của ngành truyền thông hiện đại.

PO3: Vận dụng tư duy phản biện và hiểu biết sâu sắc về bối cảnh xã hội – văn hoá để định hướng và giải quyết hiệu quả các vấn đề truyền thông trong nhiều lĩnh vực.

PO4: Phát triển năng lực sáng tạo và đổi mới trong tư duy, kết hợp với khả năng ứng dụng công nghệ số tiên tiến để thiết kế và triển khai các giải pháp truyền thông hiệu quả, phù hợp với mục tiêu chiến lược của tổ chức và sự thay đổi của môi trường số.

PO5: Hình thành năng lực tự học, tự đánh giá và phát triển nghề nghiệp liên tục; có khả năng thích ứng sáng tạo với sự thay đổi nhanh chóng của lĩnh vực truyền thông, qua đó duy trì ý thức học tập suốt đời và hội nhập trong bối cảnh toàn cầu.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Các chuẩn đầu ra (Learning Outcomes – LOs) và các chỉ báo (Performance Indicator - PI) của chương trình đào tạo cho như bảng sau:

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mức độ năng lực *	Các chỉ báo (PIs)
PLO1: Tuân thủ các nguyên tắc pháp lý và đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh đa văn hoá, đa nền tảng thông qua thực hành và xử lý tình huống thực tế trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn công việc	C3	<i>PI 1.1: Áp dụng được các quy định pháp luật và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, bao gồm cả việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong bối cảnh truyền thông đa văn hoá, đa nền tảng; thể hiện qua việc thiết kế, sản xuất và triển khai các giải pháp truyền thông phù hợp với yêu cầu học tập, nghiên cứu và thực tiễn công việc.</i>
	P3/A3	<i>PI 1.2: Thực hiện đầy đủ và nhất quán các quy định pháp luật và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thiết kế, sản xuất và triển khai các giải pháp truyền thông một cách chủ động, ưu tiên lợi ích công chúng, xử lý vấn đề phát sinh, minh bạch nguồn thông tin (bao gồm cả việc sử dụng AI), kèm minh chứng từ dự án, chiến dịch hoặc tình huống thực hành.</i>
PLO2: Giao tiếp thuyết phục (thông qua ngôn ngữ nói/viết/hình ảnh) và làm việc nhóm hiệu quả để triển khai hoạt động truyền thông đa dạng trong bối cảnh hội nhập	C4/P3	<i>PI 2.1: Lựa chọn được đúng phương thức giao tiếp và thực hiện giao tiếp thuyết phục bằng lời nói, chữ viết và hình ảnh bảo đảm cấu trúc rõ ràng, lập luận vững chắc, phản hồi linh hoạt để triển khai các hoạt động truyền thông đa dạng.</i>
	C4/P3	<i>PI 2.2: Vận dụng ngoại ngữ ở mức tối thiểu để tra cứu, tổng hợp và trình bày thông tin chuyên ngành truyền thông đa phương tiện trong các hoạt động học tập và nghiên cứu</i>

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mức độ năng lực *	Các chỉ báo (PIs)
		<i>đáp ứng được các chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình.</i>
	P3/A3	<i>PI 2.3: Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm; duy trì thái độ tích cực và tôn trọng ý kiến khác biệt để nâng cao chất lượng hoạt động nhóm; chủ động nhận trách nhiệm và bình đẳng trong các hoạt động nhóm.</i>
PLO3: Đánh giá và phân biệt có hệ thống các tình huống cụ thể bằng cách tích hợp kiến thức khoa học cơ bản về văn hoá, lịch sử, lý luận chính trị, truyền thông và công nghệ số	C4	<i>PI 3.1: Phân tích và lựa chọn được các kiến thức khoa học cơ bản về văn hoá, lịch sử, lý luận chính trị, truyền thông và công nghệ số phù hợp để phân tích tình huống truyền thông đương đại.</i>
	C4/P3	<i>PI 3.2: Sử dụng chính xác các phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, sơ cấp để tổng hợp thông tin khoa học cơ bản về văn hoá, lịch sử, lý luận chính trị, truyền thông và công nghệ số phục vụ cho quá trình phân tích, đánh giá và phân biệt tình huống truyền thông cụ thể.</i>
PLO4: Có khả năng thiết kế các giải pháp truyền thông trong bối cảnh thực tiễn bằng cách vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn	C5	<i>PI 4.1: Đánh giá yêu cầu và xác định vấn đề cốt lõi từ dữ liệu và tiêu chí cụ thể; từ đó khuyến nghị giải pháp truyền thông phù hợp, có lập luận và minh chứng rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu của tổ chức và xã hội.</i>
	C4/P3	<i>PI 4.2: Lập kế hoạch chi tiết, theo dõi và điều chỉnh chính xác các hoạt động truyền thông theo tình hình thực tiễn nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả của giải pháp.</i>
	C3/P3	<i>PI 4.3: Thực hiện thành thạo việc thống kê và phân tích các chỉ số đo lường, đối chiếu với mục tiêu đã đặt ra để đánh giá ưu/nhược điểm của giải pháp truyền thông.</i>
PLO5: Thể hiện tư duy sáng tạo, đổi mới và ứng dụng công nghệ số nhằm giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông đáp ứng mục tiêu đã đề ra	C4	<i>PI 5.1: Phân tích được đặc điểm và tiềm năng ứng dụng của các công nghệ số hiện đại trong việc thiết kế và triển khai giải pháp truyền thông.</i>
	C4/P3	<i>PI 5.2: Kết hợp chính xác ý tưởng sáng tạo và cách tiếp cận mới với việc sử dụng một hoặc nhiều công nghệ số để xây dựng, điều chỉnh và triển khai giải pháp truyền thông.</i>
PLO6: Có khả năng tự đánh giá về trải nghiệm học tập và nghề nghiệp	C4	<i>PI 6.1: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình trải nghiệm học tập và nghề nghiệp của bản thân dựa trên tiêu chí</i>

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mức độ năng lực *	Các chỉ báo (PIs)
của bản thân, từ đó rút ra bài học, chủ động học tập suốt đời và thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường truyền thông.		<i>cụ thể thông qua báo cáo, E-portfolio hoặc kế hoạch phát triển nghề nghiệp (IDP); từ đó rút ra bài học và xác định định hướng phát triển cá nhân để thích ứng với sự thay đổi của môi trường truyền thông.</i>
	P4/A3	<i>PI 6.2: Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập rõ ràng để thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực truyền thông.</i>

(C: miền kiến thức; P: miền kỹ năng; A: miền thái độ; Các mức độ năng lực được xác định trên cơ sở tham chiếu Thang cấp độ tư duy Bloom)

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 120 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ YÊU CẦU ĐẦU VÀO: Là người đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tham dự và trúng tuyển (đạt các yêu cầu đầu vào) trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy với Tổ hợp xét tuyển: Toán, Lý, Hóa (A00); Văn, Toán, Anh (D01) hoặc Toán, Lý, Anh văn (A01) hoặc các phương án xét tuyển riêng của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó 07 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 01 kỳ thực tập chuyên sâu, thực tập thực tế tại doanh nghiệp. Cuối khóa, sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo phương thức đào tạo tín chỉ, áp dụng Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế trở lên hoặc tương đương.

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng **Cử nhân Truyền thông đa phương tiện** trình độ đại học hệ chính quy khi đã hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

6. THANG ĐIỂM: Theo thang điểm tín chỉ

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá điểm thành phần của các học phần.

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	Dưới 4,0	F	0,0

Loại đạt không ghi mức (áp dụng cho các học phần đạt, không tính vào điểm trung bình học tập): Từ 5,0 điểm trở lên, điểm chữ là P

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	38
1.1	Khối kiến thức chung	27
1.1.1	Lý luận chính trị	11
1.1.2	Tiếng Anh	14
1.1.3	Tin học	2
1.2	Khối kiến thức khoa học xã hội	11
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	72
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	33
2.2	Kiến thức chuyên ngành	39
3	Thực tập và Tốt nghiệp	10
	CỘNG	120

7.2 Nội dung chương trình đào tạo

7.2.1 Khối kiến thức chung

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	x		1	

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	x		2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	x		3	
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	x		5	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	x		4	
6	Tiếng Anh (Course 1)	BAS1157	4	x		2	
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4	x		3	
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4	x		4	
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2	x		5	
10	Nhập môn Công nghệ số và Ứng dụng AI	INT11205	2	x		1	
Tổng:			27				
Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng							
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	x		1	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	x		2	
3	Giáo dục Quốc phòng	BAS1105	7,5	x		1	
Kiến thức các môn kỹ năng							
1	Kĩ năng thuyết trình	SKD1101	1		x		
2	Kĩ năng làm việc nhóm	SKD1102	1		x		
3	Kĩ năng tạo lập văn bản tiếng Việt	SKD1103	1		x		
4	Kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1		x		
5	Kĩ năng giao tiếp	SKD1105	1		x		
6	Kĩ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1		x		
7	Kĩ năng đổi mới sáng tạo	SKD1111	1		x		

(*) Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement Test trở lên; các sinh viên chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS1156). Kế hoạch học tập môn học tiếng Anh thực hiện theo chương trình chi tiết riêng.

7.2.2. Kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
11	Lịch sử văn minh thế giới	MUL12117	2	x		1	
12	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	BSA12117	2	x		1	

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
13	Marketing căn bản	MAR1322	3	x		2	
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	MUL1240	2	x		1	
15	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	x		4	
Tổng:			11				

7.2.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.3.1. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
16	Nhập môn truyền thông	MUL1391	2	x		2	
17	Nhập môn quảng cáo	MUL13120	2	x		2	
18	Nhập môn PR	MUL1395	2	x		2	
19	Lý thuyết truyền thông	MUL13228	3	x		3	
20	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	MUL13229	3	x		5	SKD1108
21	Viết và Biên tập đa phương tiện	MUL14224	3	x		4	
22	Pháp luật và đạo đức truyền thông	MUL13230	3	x		3	
23	Thiết kế đồ họa cơ bản	MUL1426	3	x		3	
24	Quay phim	MUL13147	3	x		4	
25	Kỹ thuật nhiếp ảnh	MUL1313	3	x		2	
Các học phần tự chọn (chọn 3/6 học phần, tổng số TC: 6)							
26	Các loại hình báo chí hiện đại	MUL13119	2		x	3	MUL1391
27	Ngôn ngữ truyền thông	MUL13105	2		x	3	MUL1391
28	Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện	MUL1398	2		x	5	MUL1391
29	Phỏng vấn: Lý thuyết và thực hành	MUL1399	2		x	5	MUL1391
30	Diễn thuyết trước công chúng	MUL13100	2		x	5	MUL1391
31	Truyền thông và dư luận xã hội	MUL1394	2		x	5	MUL1391
Tổng:			33				

7.2.3.2. Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
32	Truyền thông nội bộ	MUL14208	3	x		6	MUL1391
33	PR: Chiến lược và thực hành	MUL14109	3	x		6	MUL1395
34	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	MUL14111	3	x		7	MUL13120
35	Quản lý dự án truyền thông	MUL14231	3	x		5	MUL1391
36	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	MUL14113	3	x		4	
37	Ứng dụng thiết kế web	MUL14114	3	x		5	MUL1426
38	Tổ chức sản xuất podcast	MUL14206	3	x		6	MUL14224
39	Tổ chức sản xuất video	MUL14205	3	x		7	MUL14231
40	Tổ chức sự kiện	MUL14209	3	x		7	MUL14231
41	Truyền thông chính sách	MUL14207	2	x		6	MUL1391
42	Thực hành chuyên sâu	MUL13116	4	x		7	MUL14231
Các học phần tự chọn (chọn 3/6 học phần, tổng số TC: 6)							
43	Thiết kế ấn phẩm báo chí	MUL1463	2		x	6	MUL1426
44	Kinh tế truyền thông	MUL13104	2		x	6	MUL1391
45	Báo chí dữ liệu	MUL14107	2		x	6	MUL1391
46	AI trong ứng dụng tự động hóa quy trình truyền thông	MUL14232	2		x	6	INT11205
47	Truyền thông quốc tế	MUL13103	2		x	7	MUL1391
48	Thiết kế tương tác đa phương tiện	MUL1425	2		x	7	MUL1426
	Tổng		39				

7.2.3.3. Thực tập và tốt nghiệp

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
49	Thực tập tốt nghiệp	MUL15212	4	x		8	
50	Khóa luận tốt nghiệp	MUL15213	6	x		8	
	Tổng		10				

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Kế hoạch học tập chuẩn (*Chi tiết kèm theo*)

Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được thiết kế triển khai trong 8 học kì (tương ứng 4 năm học).

Trình tự các môn học trong toàn khung chương trình đào tạo được sắp xếp tương ứng với mục tiêu đào tạo, từ kiến thức chung, đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

8.2. Tiến trình học tập chuẩn (*Chi tiết kèm theo*)

8.3 Danh sách các học phần tiên quyết, trước sau (*Chi tiết kèm theo*)

9. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CHÍNH

CÁC HỌC PHẦN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Mã môn học: MUL12117

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Lịch sử văn minh thế giới” được bố trí ở học kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa phương tiện, thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết nền tảng về sự hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại. Học phần học đi sâu vào phân tích đặc trưng, thành tựu và tác động của các nền văn minh lớn như Trung Hoa, Ấn Độ, Hy Lạp - La Mã, Tây Âu đối với sự phát triển xã hội, chính trị toàn cầu. Thông qua môn học, sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức về văn minh, văn hóa, văn hiến mà còn được rèn luyện tư duy phân tích, đánh giá các tình hình xã hội, xu hướng truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa. Môn học giúp sinh viên ứng dụng tư duy lịch sử vào các lĩnh vực như truyền thông đại chúng, quan hệ công chúng và quảng bá văn hóa, từ đó phát triển góc nhìn chiến lược trong ngành truyền thông hiện đại.

CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

Mã môn học: MUL1240

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu học phần “Cơ sở văn hóa Việt Nam” nhằm giúp sinh viên nắm vững các khái niệm, đặc trưng và cấu trúc cơ bản của văn hóa Việt Nam, cũng như tiến trình hình thành và phát triển của văn hóa Việt trong bối cảnh lịch sử - xã hội. Trên nền tảng đó, học phần hướng đến việc hình thành năng lực phân tích, đánh giá và phản biện có hệ thống các tình huống/hiện tượng truyền thông cụ thể gắn với văn hóa Việt Nam bằng cách tích hợp kiến thức về văn hóa, lịch sử, lý luận chính trị, truyền thông và công nghệ số; đồng thời phát triển khả năng giao tiếp thuyết phục (nói, viết, hình ảnh) và làm việc nhóm hiệu quả

trong việc xây dựng, trình bày các sản phẩm/ý tưởng truyền thông gắn với văn hóa trong bối cảnh hội nhập và môi trường truyền thông đa nền tảng.

Nội dung học phần khái quát hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam, bao gồm: văn hóa nhận thức (triết lý âm dương, tam tài, ngũ hành), văn hóa tổ chức đời sống tập thể (làng xã, đô thị, quốc gia), văn hóa tổ chức đời sống cá nhân (tín ngưỡng, phong tục, văn hóa giao tiếp, nghệ thuật ngôn từ) và văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên - xã hội (giao lưu với Ấn Độ, Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, ảnh hưởng phương Tây...). Nội dung được đặt trong tiến trình phát triển lịch sử - văn hóa và được minh họa bằng các hiện tượng truyền thông đương đại (báo chí, phim ảnh, mạng xã hội, chiến dịch truyền thông...), giúp sinh viên nhận diện bản sắc văn hóa Việt Nam, sự giao thoa - biến đổi văn hóa và các vấn đề đặt ra cho hoạt động truyền thông trong bối cảnh số; từ đó phân tích, đánh giá và lựa chọn được cách tiếp cận truyền thông phù hợp với bối cảnh và khán giả.

Về phương pháp giảng dạy - học tập: học phần được triển khai theo hướng kết hợp bài giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống và các bài tập ứng dụng. Giảng viên trình bày khái niệm, mô hình, tiến trình và các thành tố văn hóa Việt Nam đan xen với hình ảnh, video, ví dụ truyền thông cụ thể; hướng dẫn sinh viên sử dụng các khung phân tích bối cảnh - văn hóa - khán giả để đọc, giải thích và bình luận hiện tượng truyền thông. Sinh viên được yêu cầu đọc trước tài liệu, tham gia thảo luận trên lớp, làm việc nhóm để phân tích case truyền thông gắn với yếu tố văn hóa, viết các đoạn phân tích/báo cáo ngắn và thuyết trình trước lớp; một số bài tập khuyến khích sinh viên xây dựng ý tưởng/sản phẩm truyền thông đơn giản (bài viết, slide, infographic...) về chủ đề văn hóa Việt Nam. Các hoạt động này nhằm phát triển đồng thời năng lực phân tích bối cảnh văn hóa trong truyền thông và năng lực giao tiếp, làm việc nhóm bằng ngôn ngữ nói, viết, hình ảnh trên đa nền tảng.

Kết quả học tập mong đợi: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:

Phân tích được các khái niệm cơ bản, đặc trưng chủ yếu và tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam; giải thích ý nghĩa của chúng đối với đời sống xã hội và một số vấn đề truyền thông đương đại trên cơ sở tích hợp kiến thức về văn hóa, lịch sử, lý luận chính trị và truyền thông.

Đánh giá và phản biện có hệ thống một số tình huống/hiện tượng truyền thông cụ thể gắn với văn hóa Việt Nam bằng cách phân tích bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, đặc điểm công chúng và cách tiếp cận truyền thông; từ đó rút ra nhận xét có cơ sở về mức độ phù hợp, rủi ro và hàm ý điều chỉnh.

Thực hành giao tiếp thuyết phục khi giải thích, trình bày hoặc thảo luận về các vấn đề/ví dụ văn hóa Việt Nam trong bối cảnh truyền thông đa nền tảng bằng ngôn ngữ nói, viết và/hoặc hình ảnh; làm việc nhóm hiệu quả để xây dựng và trình bày sản phẩm/ý tưởng truyền thông gắn với văn hóa, bảo đảm yêu cầu về nội dung, tiến độ và chất lượng, với thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong bối cảnh hội nhập.

CÁC HỌC PHẦN CƠ SỞ NGÀNH NHẬP MÔN TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL1391

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Nhập môn truyền thông” được sắp xếp giảng dạy trong học kỳ 2 của chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Đây là học phần song song với “Nhập môn PR”, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm, các mô hình cơ bản, sự hình thành và phát triển của các lĩnh vực thuộc ngành học. Đồng thời, học phần giúp sinh viên mở rộng và tìm hiểu sâu kiến thức thông qua việc phân tích, đối chiếu, liên hệ với các vấn đề liên quan trong các hoạt động truyền thông đương đại.

Môn học trước tiên cung cấp cho người học một cái nhìn mang tính tổng thể và hệ thống về các khái niệm cơ bản của ngành học như thông tin-truyền thông (information-communication); phương tiện truyền thông (media); truyền thông đại chúng, mô hình và cơ chế tác động của truyền thông đại chúng; không gian công (public sphere), công luận (public opinion)...

Sau đó, người học sẽ được giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành và phát triển cũng như các hình thức cơ bản của truyền thông đại chúng, bao gồm Báo chí; Xuất bản sách; PR/Truyền thông tổ chức; Quảng cáo; Điện ảnh.

Cuối cùng, môn học sẽ giới thiệu khái quát về các hướng nghiên cứu truyền thông khác nhau (ví dụ như nghiên cứu người truyền tin, nghiên cứu hiệu ứng, nghiên cứu nội dung...) và các lĩnh vực truyền thông chuyên sâu (kinh tế truyền thông, tâm lý học truyền thông, truyền thông chính trị, văn hóa truyền thông, đạo đức và pháp luật truyền thông).

NHẬP MÔN QUẢNG CÁO

Mã môn học: MUL13120

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Môn học Nhập môn Quảng cáo được bố trí trong học kỳ 2 của chương trình, giữ vai trò là học phần nền tảng giúp sinh viên tiếp cận hệ thống kiến thức cơ bản về quảng cáo hiện đại. Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết tổng quan về bản chất và vai trò của quảng cáo, giúp sinh viên biết cách nhận diện, phân loại các loại hình quảng cáo, đồng thời phân tích được các mô hình quảng cáo phổ biến trong ngành.

Trọng tâm của môn học nằm ở việc xây dựng năng lực tư duy nền tảng về sáng tạo quảng cáo. Sinh viên được tìm hiểu các con đường và phương pháp hình thành ý tưởng, quy trình phát triển thông điệp quảng cáo, cũng như những nguyên tắc cơ bản để tạo nên một sản phẩm quảng cáo hiệu quả. Các nội dung này giúp sinh viên bước đầu làm quen với thế giới sáng tạo – một thành tố quan trọng trong các học phần chuyên sâu về quảng cáo ở những học kỳ tiếp theo.

Môn học đồng thời trang bị cho người học khả năng nhận diện những vấn đề liên quan đến đạo đức và pháp luật trong hoạt động quảng cáo, giúp sinh viên hiểu được trách nhiệm nghề nghiệp và các yêu cầu pháp lý trong quá trình sản xuất – phát hành quảng cáo. Thông qua các ví dụ thực tiễn, bài tập phân tích và thảo luận nhóm, sinh viên được rèn luyện khả năng đánh giá thông điệp, phân tích nội dung và nhận biết các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả truyền thông.

NHẬP MÔN PR

Mã môn học: MUL1395

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Nhập môn PR” trang bị cho sinh viên những hiểu biết nền tảng về Quan hệ công chúng (PR) với tư cách là một hoạt động truyền thông quản trị trong tổ chức. Môn học giúp sinh viên trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản, chức năng, vai trò và một số phạm trù nền tảng của PR; nhận diện và mô tả được những yếu tố chính của bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa và môi trường truyền thông đa nền tảng có ảnh hưởng đến hoạt động PR, trên cơ sở vận dụng kiến thức nền tảng về truyền thông và bối cảnh xã hội.

Nội dung học phần giới thiệu tổng quan về PR: khái niệm, chức năng, vai trò trong tổ chức; phân biệt PR với báo chí, quảng cáo, marketing; các nhóm công chúng cơ bản và môi trường hoạt động của PR. Trên nền tảng đó, môn học trình bày khái quát quá trình hình thành và phát triển PR trên thế giới và ở Việt Nam, phân tích PR trong bối cảnh truyền thông hóa xã hội, toàn cầu hóa và truyền thông số. Học phần đồng thời tập trung vào những vấn đề pháp lý và đạo đức nghề nghiệp gắn với hoạt động PR (một số quy định liên quan đến báo chí, quảng cáo, bản quyền, quyền riêng tư, phát ngôn, xử lý khủng hoảng... và các bộ quy tắc đạo đức PR), thông qua các tình huống điển hình về chiến dịch PR, khủng hoảng truyền thông, sai phạm đạo đức hoặc vi phạm pháp luật, giúp sinh viên đánh giá và phản biện có hệ thống các tình huống PR cụ thể, thấy được mối liên hệ giữa bối cảnh, pháp lý, đạo đức và quyết định truyền thông.

Học phần được tổ chức theo hướng kết hợp bài giảng với phân tích tình huống, thảo luận nhóm, bài tập ứng dụng và thực hành xử lý tình huống. Trên lớp, giảng viên trình bày khái niệm, mô hình và bối cảnh PR đan xen với phân tích case study về chiến dịch PR, khủng hoảng, thông cáo báo chí, hoạt động PR trên mạng xã hội; nhấn mạnh các khía cạnh bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, đặc điểm công chúng, môi trường truyền thông số, các yêu cầu pháp lý và đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên được yêu cầu đọc trước tài liệu, trả lời câu hỏi định hướng, tham gia thảo luận nhóm, đóng vai (role-play) xử lý tình huống truyền thông, viết ngắn phân tích rủi ro và đề xuất phương án xử lý. Các hoạt động này nhằm rèn luyện tư duy phản biện, khả năng đánh giá và phản biện có hệ thống các tình huống/chiến dịch PR, cũng như năng lực vận dụng các nguyên tắc pháp lý và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh đa văn hóa, đa nền tảng.

Kết quả học tập mong đợi: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:

- Trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản, chức năng, vai trò và một số phạm trù nền tảng của Quan hệ công chúng (PR); mô tả được những yếu tố chính của bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa và môi trường truyền thông đa nền tảng có ảnh hưởng đến hoạt động PR, trên cơ sở vận dụng kiến thức nền tảng về truyền thông và bối cảnh xã hội.

- Đánh giá và phân biện có hệ thống một số tình huống/chiến dịch PR cụ thể bằng cách phân tích bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, đặc điểm công chúng và môi trường truyền thông số; từ đó nhận diện vấn đề truyền thông, so sánh và lập luận được ưu/nhược điểm giữa các phương án xử lý khác nhau dựa trên tư duy phân biện.

- Vận dụng được một số nguyên tắc pháp lý và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cơ bản trong PR để nhận diện rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật và đạo đức của thông điệp/hoạt động PR trong các tình huống điển hình trong bối cảnh đa văn hóa, đa nền tảng; thực hành xử lý hoặc đề xuất cách điều chỉnh tình huống ở mức đơn giản thông qua bài tập, thảo luận, mô phỏng, thể hiện thái độ tôn trọng pháp luật, chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội nghề nghiệp.

CÁC LOẠI HÌNH BÁO CHÍ HIỆN ĐẠI

Mã môn học: MUL13119

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Môn học “Các loại hình báo chí hiện đại” cung cấp cho sinh viên nền tảng lý luận và thực tiễn về các loại hình báo chí trong môi trường truyền thông đương đại. Học phần giúp người học hiểu rõ bản chất, đặc trưng, vai trò xã hội và xu hướng phát triển của từng loại hình báo chí – từ báo in, phát thanh, truyền hình đến báo điện tử, báo chí dữ liệu và siêu tác phẩm báo chí. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện tư duy phân biện, kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá các hiện tượng báo chí theo góc nhìn pháp lý, đạo đức và văn hóa; qua đó hình thành khả năng vận dụng các nguyên tắc nghề nghiệp vào xử lý tình huống truyền thông trong thực tiễn.

LÝ THUYẾT TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL13228

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Lý thuyết truyền thông” được sắp xếp giảng dạy trong học kỳ 3 của chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Đây là học phần kế tiếp của “Nhập môn truyền thông”, giúp mở rộng và hệ thống hóa kiến thức đã được giới thiệu ở mức khái niệm. Đồng thời, học phần có tính song hành với “Lý thuyết PR”, giúp sinh viên đối chiếu, liên hệ và vận dụng các lý thuyết trong lĩnh vực truyền thông thông qua việc phân tích, đánh giá các hoạt động truyền thông đương đại.

Với môn học này, người học sẽ được tiếp cận một cách tổng quát các vấn đề nền tảng trong hệ thống lý thuyết truyền thông. Học phần đề cập đến một số lý thuyết thông qua các

hình thức đặt vấn đề khác nhau nhưng đều dựa trên những kết quả nghiên cứu thực nghiệm cũng như quá trình giải quyết vấn đề theo một trình tự phương pháp luận khoa học. Trong đó, phải kể đến là các lý thuyết trong lĩnh vực nghiên cứu về người truyền tin (lý thuyết Người gác cổng, lý thuyết Giá trị tin tức...), hiệu ứng truyền thông (lý thuyết Thiết lập chương trình nghị sự, lý thuyết Vòng xoáy im lặng...), sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng (lý thuyết Sử dụng và Hài lòng) hay việc tương tác giữa truyền thông đại chúng và giao tiếp giữa người với người (mô hình truyền thông Hai bước). Một số lý thuyết khác như: Sự phân biệt khoảng cách tri thức, sự trau dồi nhận thức xã hội, mối quan hệ giữa truyền hình và bạo lực xã hội, vấn đề toàn cầu hoá và xã hội thông tin giúp người học mở rộng hiểu biết về một số vấn đề mang tính vĩ mô trong lĩnh vực truyền thông.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL13229

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Phương pháp nghiên cứu truyền thông” được bố trí giảng dạy ở học kỳ 6 chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa phương tiện, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là học phần tiếp sau học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”. Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức tổng thể về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, mối quan hệ giữa lý thuyết và thực tiễn xã hội, mối quan hệ giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, giữa nghiên cứu mang tính chất giải thích và nghiên cứu mang tính chất mô tả. Bên cạnh đó, người học cũng sẽ được trang bị các kiến thức về các bước tiến hành một nghiên cứu truyền thông mang tính thực nghiệm và các kỹ thuật đặc thù được ứng dụng trong từng bước tiến hành nghiên cứu, chẳng hạn như kỹ thuật xây dựng và phát triển giả thuyết nghiên cứu, kỹ thuật xây dựng và xử lý khái niệm, kỹ thuật chọn mẫu, kỹ thuật thiết kế nghiên cứu. Ngoài ra, tùy theo đối tượng và mục đích nghiên cứu cụ thể, các kỹ thuật thu thập dữ liệu nghiên cứu đặc thù như Phỏng vấn, Phân tích nội dung và Quan sát cũng sẽ được trang bị cho người học.

PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL13230

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Pháp luật và Đạo đức truyền thông” được bố trí ở học kỳ 5 trong chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa phương tiện, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Đây là học phần kế tiếp của học phần “Các loại hình báo chí hiện đại”, giúp mở rộng kiến thức về vấn đề đạo đức, pháp luật trong lĩnh vực truyền thông. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản cả lý luận và thực tiễn về hệ thống pháp luật điều chỉnh trực tiếp các hoạt động báo chí, truyền thông; đồng thời cung cấp kiến thức nền tảng về các khái niệm và mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, các quy định về quyền tự do ngôn luận, về quyền sở hữu trí tuệ

trong hoạt động truyền thông. Ngoài ra, môn học cũng đề cập đến các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông, những nội dung này không chỉ giúp cho sinh viên có các kiến thức cơ bản nhất áp dụng vào các Học phần chuyên ngành khác của cả Khóa học, mà còn giúp sinh viên áp dụng các nguyên tắc pháp lý và đạo lý vào quá trình sáng tạo sản phẩm truyền thông, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức khi áp dụng vào thực tiễn hoạt động truyền thông của Việt Nam.

THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CƠ BẢN

Mã môn học: MUL1426

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về thiết kế đồ họa, bao gồm khái niệm, đặc trưng, các định dạng đồ họa phổ biến và vai trò của thiết kế đồ họa trong truyền thông hiện đại. Người học được giới thiệu các nguyên lý thiết kế cơ bản như bố cục, màu sắc, đường nét, hình khối, không gian và sự cân bằng thị giác, qua đó hiểu cách vận dụng chúng trong việc tạo ra sản phẩm đồ họa hiệu quả về mặt thẩm mỹ và truyền thông.

Bên cạnh đó, học phần cũng hướng dẫn người học quy trình thiết kế sản phẩm đồ họa từ giai đoạn ý tưởng, phác thảo, lựa chọn công cụ, triển khai thiết kế đến hoàn thiện và xuất bản. Người học sẽ thực hành các bài tập nhỏ để rèn luyện kỹ năng nhận diện, phân tích và áp dụng nguyên lý thiết kế, đồng thời hình thành tư duy sáng tạo và cảm quan thị giác trong môi trường đồ họa số.

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 3 trong chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện. Học phần đóng vai trò nền tảng cho các môn học ứng dụng và chuyên sâu như Ứng dụng đồ họa đa phương tiện, Ứng dụng thiết kế web, Thiết kế ấn phẩm báo chí, Thiết kế trang tác đa phương tiện giúp sinh viên nắm vững tư duy thiết kế và khả năng vận dụng nguyên lý mỹ thuật vào thực tiễn sáng tạo.

QUAY PHIM

Mã môn học: MUL13147

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về trang thiết bị, cấu tạo máy quay phim, ống kính và phụ kiện hỗ trợ. Người học được tiếp cận các nguyên lý vận hành máy quay, các thủ pháp quay cơ bản và kỹ thuật ánh sáng trong sản xuất truyền thông. Học phần hướng tới việc phát triển năng lực thực hành, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề kỹ thuật trong bối cảnh thực tiễn sản xuất truyền thông đa phương tiện hiện đại.

Người học sẽ được làm quen với các công cụ kỹ thuật số hỗ trợ quay và phân tích hình ảnh.

KỸ THUẬT NHIẾP ẢNH

Mã môn học: MUL1313

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Kỹ thuật nhiếp ảnh” được giảng dạy ở học kỳ 2 trong chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhiếp ảnh, bao gồm nguyên lý hoạt động của máy ảnh, các loại ống kính, cảm biến hình ảnh và thiết bị hỗ trợ. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các yếu tố quan trọng trong nhiếp ảnh như bố cục, ánh sáng, màu sắc và kỹ thuật phơi sáng. Ngoài ra, học phần cũng hướng dẫn các kỹ thuật chụp ảnh trong nhiều bối cảnh khác nhau, từ nhiếp ảnh chân dung, phong cảnh đến nhiếp ảnh báo chí và truyền thông. Thông qua thực hành, sinh viên sẽ nâng cao khả năng sử dụng máy ảnh và sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh, phục vụ cho công việc trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

VIẾT VÀ BIÊN TẬP ĐA PHƯƠNG TIỆN

Mã môn học: MUL14224

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Viết và biên tập đa phương tiện trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để viết và biên tập nội dung cho các sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ được học các kỹ năng viết và biên tập tin, bài cho phát thanh, truyền hình và website. Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên sẽ phát triển khả năng tư duy sáng tạo, có chiều sâu trong viết và biên tập nội dung đáp ứng nhu cầu của công chúng trên môi trường truyền thông số.

NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN ĐA PHƯƠNG TIỆN

Mã môn học: MUL1398

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện” nhằm giúp sinh viên hiểu rõ bản chất của kể chuyện đa phương tiện trong bối cảnh truyền thông đương đại; trình bày và vận dụng được các khái niệm, mô hình và thành tố cơ bản của câu chuyện (nhân vật, bối cảnh, xung đột, cao trào, kết thúc, điểm nhìn, giọng kể) cũng như vai trò của ngôn ngữ nói, viết, hình ảnh, âm thanh và công cụ số trên các nền tảng truyền thông khác nhau. Trên nền tảng đó, học phần hướng tới việc hình thành năng lực phân tích và đánh giá có hệ thống bối

cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, đặc điểm khán giả và môi trường truyền thông số, lựa chọn chiến lược kể chuyện đa nền tảng phù hợp, đồng thời lập kế hoạch, thực hiện và tự đánh giá được một dự án kể chuyện đa phương tiện một cách sáng tạo, có trách nhiệm và có định hướng phát triển nghề nghiệp lâu dài.

Nội dung học phần giới thiệu các khái niệm, mô hình và thành tố cơ bản của kể chuyện đa phương tiện; vai trò của ngôn ngữ nói, viết, hình ảnh, âm thanh và công cụ số trong kiến tạo câu chuyện trên những nền tảng truyền thông khác nhau (video ngắn, podcast, infographic, bài viết, chuỗi nội dung mạng xã hội...). Trên cơ sở đó, môn học tập trung vào phân tích và đánh giá bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa và đặc điểm khán giả trong các tình huống truyền thông cụ thể; so sánh, phân biệt và lựa chọn chiến lược kể chuyện đa nền tảng (góc nhìn, nhân vật, giọng kể, kênh, định dạng nội dung) dựa trên tư duy phân biệt và khả năng tích hợp kiến thức liên ngành. Học phần đồng thời rèn luyện kỹ năng thiết kế, lập kế hoạch và thực hiện dự án kể chuyện đa phương tiện (cá nhân hoặc nhóm nhỏ), sử dụng hiệu quả ngôn ngữ nói, viết, hình ảnh và công cụ số để tạo ra sản phẩm đáp ứng mục tiêu truyền thông, yêu cầu về tiến độ và chất lượng, phù hợp với bối cảnh và khán giả, đồng thời tạo cơ hội cho sinh viên thực hành tự đánh giá, tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh phong cách kể chuyện của bản thân.

Về phương pháp giảng dạy - học tập: Học phần được triển khai theo hướng kết hợp giữa bài giảng lý thuyết, phân tích ví dụ/sản phẩm kể chuyện mẫu, thảo luận nhóm, bài tập viết kịch bản - xây dựng nhân vật - thiết kế storyboard và các buổi workshop thực hành sản xuất sản phẩm kể chuyện đa phương tiện. Trên lớp, giảng viên trình bày khái niệm, mô hình kể chuyện, kỹ thuật phân tích bối cảnh - khán giả, lựa chọn chiến lược kể chuyện và tổ chức nội dung trên từng nền tảng; đan xen với phân tích case study, minh họa bằng video, podcast, infographic, chuỗi nội dung mạng xã hội. Sinh viên được yêu cầu chuẩn bị bài trước (đọc tài liệu, xem sản phẩm mẫu, xây dựng dàn ý, soạn kịch bản, thiết kế storyboard/slide), tham gia thảo luận, phản hồi đồng đẳng, làm việc nhóm để phát triển và thử nghiệm câu chuyện; thực hành sản xuất và trình bày sản phẩm trên lớp/online, nhận góp ý dựa trên rubric đánh giá, từ đó tự đánh giá, rút ra bài học và điều chỉnh mục tiêu học tập cũng như phong cách kể chuyện đa phương tiện của bản thân.

Kết quả học tập mong đợi: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:

- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, mô hình và thành tố cơ bản của kể chuyện đa phương tiện; xây dựng và trình bày được các câu chuyện ngắn bằng ngôn ngữ nói, viết, hình ảnh và/hoặc âm thanh trên ít nhất một nền tảng số, với cấu trúc mạch lạc, thông điệp rõ ràng, phù hợp với đối tượng người xem/nghe, thông qua làm việc cá nhân và bước đầu phối hợp với bạn học.

- Phân tích và đánh giá có hệ thống bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, đặc điểm khán giả và môi trường truyền thông số của một số tình huống truyền thông cụ thể; từ đó so sánh, phân biệt và lựa chọn được chiến lược kể chuyện đa nền tảng (góc nhìn, nhân vật, giọng kể, kênh, định dạng nội dung) phù hợp, dựa trên tư duy phân biệt và khả năng tích hợp kiến thức liên ngành.

- Lập kế hoạch, thực hiện và tự đánh giá được một dự án kể chuyện đa phương tiện (cá nhân hoặc nhóm nhỏ); biết sử dụng phản hồi của giảng viên, bạn học và/hoặc khán giả để nhận diện điểm mạnh - điểm hạn chế trong phong cách kể chuyện và năng lực làm việc của bản thân, từ đó rút ra bài học, điều chỉnh mục tiêu học tập và định hướng phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực kể chuyện đa phương tiện.

DIỄN THUYẾT TRƯỚC CÔNG CHÚNG

Mã môn học: MUL13100

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Diễn thuyết trước công chúng” nhằm giúp sinh viên hiểu rõ bản chất của quá trình giao tiếp trong diễn thuyết, các khái niệm và mô hình cơ bản về giao tiếp - hùng biện, cũng như vai trò của diễn giả, khán giả và bối cảnh trong hoạt động diễn thuyết trước công chúng. Trên cơ sở đó, học phần hướng tới việc hình thành năng lực trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản, mô hình và quá trình giao tiếp trong diễn thuyết; mô tả và phân tích được những yếu tố chính của bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, đặc điểm khán giả và môi trường truyền thông số có ảnh hưởng đến hiệu quả của một bài diễn thuyết, trên nền tảng kiến thức về truyền thông và bối cảnh xã hội.

Nội dung học phần giới thiệu các khái niệm, mô hình và quá trình giao tiếp trong diễn thuyết trước công chúng; vai trò của diễn giả - khán giả - bối cảnh; các yếu tố tâm lý, đạo đức và công nghệ gắn với diễn thuyết trong môi trường truyền thông đa nền tảng. Trên nền tảng đó, môn học tập trung vào phân tích bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa và đặc điểm khán giả trong các tình huống diễn thuyết/hoạt động truyền thông cụ thể; đánh giá và phân biệt các cách tổ chức nội dung, thông điệp và cách tiếp cận khác nhau; xây dựng mục tiêu, thông điệp, cấu trúc, luận điểm - luận cứ, ví dụ minh họa cho bài nói. Học phần đồng thời rèn luyện kỹ năng thiết kế và thực hiện các bài diễn thuyết thuyết phục (trực tiếp và/hoặc trực tuyến) bằng ngôn ngữ nói, viết và hình ảnh trên một hoặc vài nền tảng phù hợp, kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ (slide, hình ảnh, video...) và làm việc nhóm để chuẩn bị, luyện tập, trình bày bài nói, bảo đảm yêu cầu về nội dung, thời lượng, tiến độ và chất lượng, phù hợp với bối cảnh và khán giả, thể hiện thái độ tôn trọng khán giả và sự đa dạng văn hóa.

Về phương pháp giảng dạy - học tập: Học phần được triển khai theo hướng kết hợp giữa bài giảng lý thuyết, phân tích ví dụ/bài diễn thuyết mẫu, thảo luận nhóm, bài tập viết và các buổi luyện tập trình bày trên lớp/online. Trên lớp, giảng viên trình bày khái niệm, mô hình giao tiếp, kỹ thuật phân tích bối cảnh - khán giả, xây dựng nội dung và tổ chức bài nói; đan xen với phân tích case study, xem và phân tích video diễn thuyết, tình huống truyền thông. Sinh viên được yêu cầu chuẩn bị bài trước (đọc tài liệu, xây dựng dàn ý, soạn nội dung, thiết kế slide), tham gia thảo luận, phản hồi đồng đẳng, làm việc nhóm để xây dựng và luyện tập bài diễn thuyết; thực hành trình bày trực tiếp hoặc trực tuyến và nhận

góp ý dựa trên rubric đánh giá, từ đó tự điều chỉnh, hoàn thiện phong cách và năng lực diễn thuyết của bản thân.

Kết quả học tập mong đợi: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:

- Trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản, mô hình và quá trình giao tiếp trong diễn thuyết trước công chúng; mô tả và phân tích được những yếu tố chính của bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, đặc điểm khán giả và môi trường truyền thông số có ảnh hưởng đến hiệu quả của một bài diễn thuyết, trên cơ sở vận dụng kiến thức nền tảng về truyền thông và bối cảnh xã hội.

- Đánh giá và phản biện có hệ thống một số tình huống diễn thuyết/hoạt động truyền thông cụ thể bằng cách phân tích bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, đặc điểm khán giả và mục tiêu truyền thông; từ đó nhận diện vấn đề truyền thông, so sánh và lập luận được ưu/nhược điểm giữa các phương án tổ chức nội dung, thông điệp và cách tiếp cận khác nhau, dựa trên tư duy phản biện và khả năng tích hợp kiến thức liên ngành.

- Thiết kế và thực hiện được các bài diễn thuyết thuyết phục (trực tiếp và/hoặc trực tuyến) bằng ngôn ngữ nói, viết và hình ảnh trên một hoặc vài nền tảng phù hợp; phối hợp làm việc nhóm hiệu quả để chuẩn bị, luyện tập và trình bày bài nói, bảo đảm yêu cầu về nội dung, thời lượng, tiến độ và chất lượng trong bối cảnh hội nhập, đồng thời thể hiện thái độ tôn trọng khán giả, bối cảnh giao tiếp và sự đa dạng văn hóa.

CÁC LOẠI HÌNH BÁO CHÍ HIỆN ĐẠI

Mã môn học: MUL13119

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Môn học “Các loại hình báo chí hiện đại” cung cấp cho sinh viên nền tảng lý luận và thực tiễn về các loại hình báo chí trong môi trường truyền thông đương đại. Học phần giúp người học hiểu rõ bản chất, đặc trưng, vai trò xã hội và xu hướng phát triển của từng loại hình báo chí – từ báo in, phát thanh, truyền hình đến báo điện tử, báo chí dữ liệu và siêu tác phẩm báo chí. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá các hiện tượng báo chí theo góc nhìn pháp lý, đạo đức và văn hóa; qua đó hình thành khả năng vận dụng các nguyên tắc nghề nghiệp vào xử lý tình huống truyền thông trong thực tiễn.

TRUYỀN THÔNG VÀ DƯ LUẬN XÃ HỘI

Mã môn học: MUL1394

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

- Học phần Truyền thông và dư luận xã hội cung cấp cho người học những hiểu biết về các phạm trù cơ bản của truyền thông và dư luận xã hội; các lý thuyết về dư luận xã hội đã được nghiên cứu trên thế giới. Học phần cung cấp các kiến thức về quá trình hình thành và biến đổi của dư luận xã hội và mối quan hệ giữa truyền thông và dư luận xã hội.

- Học phần bao gồm bốn chương. Chương 1 giới thiệu một số khái niệm liên quan đến truyền thông và dư luận xã hội nhằm giúp sinh viên nắm rõ và phân biệt được các khái niệm. Chương 2 giới thiệu một số lý thuyết về dư luận xã hội đã được các tác giả nổi tiếng trên thế giới nghiên cứu và trình bày. Chương 3 giải thích về quá trình hình thành và biến đổi dư luận xã hội thông qua một số tình huống nghiên cứu trong thực tế. Chương 4 cung cấp cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa truyền thông và dư luận xã hội.

PHÒNG VẤN: LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH

Mã môn học: MUL1399

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

- Học phần này giúp người học có những kiến thức cơ bản về lý thuyết và hoạt động thực tiễn của phỏng vấn trong lĩnh vực truyền thông. Học phần còn giúp sinh viên kiến thức về loại hình phỏng vấn và các kỹ năng để thực hiện một bài phỏng vấn.

- Học phần bắt đầu bằng chương 1 Tổng quan về phỏng vấn lý thuyết và thực hành với mục tiêu trình bày về khái niệm, đặc điểm của phỏng vấn, vai trò và những phẩm chất cần thiết của phỏng vấn trong truyền thông đa phương tiện. Chương 2 cung cấp quy trình phỏng vấn báo chí. Chương 3 là những dạng câu hỏi dùng trong quá trình phỏng vấn. Cuối cùng, chương 4 là giới thiệu về một số lưu ý, bài học và kinh nghiệm khi phỏng vấn.

NGÔN NGỮ TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL13105

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Viết đa phương tiện

Tóm tắt nội dung:

- Học phần “Ngôn ngữ truyền thông” cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về ngôn ngữ trong các loại hình truyền thông khác nhau, giúp người học hiểu rõ vai trò của ngôn ngữ như một công cụ tạo dựng thông điệp, hình ảnh và giá trị thương hiệu trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Nội dung học phần bao gồm khái niệm và đặc trưng của ngôn ngữ truyền thông; các chức năng, chuẩn mực và nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ trong các môi trường truyền thông đại chúng, kỹ thuật số và mạng xã hội; cũng như cách thức xây dựng, lựa chọn và tổ chức ngôn ngữ phù hợp với mục tiêu, công chúng và phương tiện truyền tải. Sinh viên được tiếp cận và phân tích ngôn ngữ của các nhóm thể loại tác phẩm truyền thông như tin tức, quảng cáo, quan hệ công chúng, truyền hình, phim

ngắn, podcast hay truyền thông thương hiệu, từ đó hình thành tư duy ngôn ngữ đa phương tiện và khả năng sáng tạo nội dung phù hợp với từng kênh truyền thông.

- Học phần được giảng dạy theo định hướng kết hợp giữa lý thuyết và thực hành sáng tạo. Thông qua các bài tập nhóm, phân tích tình huống, phản biện sản phẩm truyền thông và dự án sáng tạo, sinh viên được rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, chính xác và sáng tạo trong các bối cảnh khác nhau.

- Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nhận diện và phân tích đặc điểm ngôn ngữ của từng loại hình truyền thông; vận dụng các nguyên tắc và chuẩn mực ngôn ngữ để sáng tạo, biên tập và sản xuất các sản phẩm truyền thông phù hợp với mục tiêu truyền đạt và đối tượng công chúng; đồng thời thể hiện khả năng giao tiếp chuyên nghiệp, tư duy phản biện, tinh thần sáng tạo và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông.

CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG NỘI BỘ

Mã môn học: MUL14208

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Nhập môn Truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về khái niệm, vai trò và chức năng của truyền thông nội bộ, cùng với mối quan hệ giữa truyền thông và văn hóa tổ chức. Sinh viên sẽ biết cách phân tích và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm tạo ra thông điệp nội bộ nhất quán và sáng tạo. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng viết bài, kể chuyện và tổ chức sự kiện nội bộ. Qua đó, sinh viên rèn luyện khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn thông qua các bài tập và dự án cụ thể, đáp ứng yêu cầu phát triển của môi trường truyền thông đa văn hóa.

PR: CHIẾN LƯỢC VÀ THỰC HÀNH

Mã môn học: MUL14109

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Nhập môn PR

Tóm tắt nội dung:

Học phần PR: Chiến lược & Thực hành thuộc nhóm học phần chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 6 của chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa phương tiện. Đây là học phần kế tiếp sau Lý thuyết PR, giúp sinh viên vận dụng các mô hình, lý thuyết và nguyên tắc quan hệ công chúng vào quá trình hoạch định, triển khai và đánh giá chiến lược truyền thông thực tiễn.

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng thực tiễn về quan hệ công chúng. Sinh viên sẽ được tìm hiểu tổng quan về sự phát triển của PR, môi trường cạnh tranh trong lĩnh vực truyền thông và mức độ tiếp nhận của công chúng đối với các chiến dịch truyền thông. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và triển khai chiến lược truyền thông, từ việc xác định đối tượng mục tiêu, xây dựng thông điệp, lựa chọn kênh truyền thông, đến quản lý và thực thi các chiến lược một cách hiệu quả. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên làm quen với các công cụ truyền thông số và truyền thông xã hội. Đặc biệt, sinh viên sẽ có

cơ hội tham gia vào các dự án thực tế để ứng dụng lý thuyết vào thực hành, từ đó nâng cao khả năng tư duy chiến lược và xử lý tình huống trong ngành PR.

QUẢNG CÁO: CHIẾN LƯỢC VÀ THỰC HÀNH

Mã môn học: MUL14111

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Nhập môn Quảng cáo

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quảng cáo chiến lược và thực hành được giảng dạy vào học kỳ thứ bảy của chương trình, sau khi sinh viên đã hoàn thành học phần Nhập môn Quảng cáo. Đây là học phần thuộc nhóm chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức toàn diện cùng kỹ năng thực hành trong việc phân tích, lập kế hoạch và triển khai các chiến lược quảng cáo trên nhiều nền tảng truyền thông khác nhau. Trọng tâm của học phần là phát triển tư duy sáng tạo và tư duy chiến lược của sinh viên trong quá trình thiết kế các chiến dịch quảng cáo hiệu quả. Sinh viên sẽ tìm hiểu các lý thuyết cốt lõi về quảng cáo, chiến lược thông điệp và các kỹ thuật thuyết phục để xây dựng những chiến dịch có sức lan tỏa trong nhiều lĩnh vực như FMCG, thời trang, công nghệ và dịch vụ.

Bên cạnh đó, học phần còn nhấn mạnh các chiến lược quảng cáo truyền thống và kỹ thuật số, khuyến khích sinh viên vận dụng phân tích dữ liệu cùng các yếu tố đạo đức trong quá trình phát triển chiến dịch. Thông qua các nghiên cứu tình huống, mô hình học tập dự án và hoạt động kết nối doanh nghiệp, sinh viên sẽ nâng cao khả năng xây dựng chiến lược lấy đối tượng làm trung tâm, từ đó tối ưu hóa giá trị thương hiệu và hiệu quả truyền thông. Học phần mang đến cho sinh viên nền tảng vững chắc để trở thành những chuyên gia quảng cáo sáng tạo và có tư duy chiến lược, sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của ngành quảng cáo hiện đại.

QUẢN LÝ DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL14231

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Nhập môn Truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Môn học Quản lý dự án truyền thông thuộc kỳ 5 của chương trình học, sau khi sinh viên hoàn thành môn học Nhập môn Truyền thông. Môn học thuộc nhóm môn chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng toàn diện về phân tích, lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và giám sát quá trình thực hiện các dự án truyền thông. Trọng tâm của môn học là đảm bảo dự án được hoàn thành đúng tiến độ, trong phạm vi ngân sách và đạt chất lượng mục tiêu. Sinh viên sẽ được rèn luyện năng lực xây dựng đề án, quản lý hoặc tư vấn triển khai dự án truyền thông, từ giai đoạn khởi động đến kết thúc, với khả năng điều phối nguồn lực và đánh giá hiệu quả.

Bên cạnh đó, môn học còn giúp người học nhận diện, dự đoán và kiểm soát rủi ro, xây dựng kế hoạch ứng phó và duy trì tiến độ trong những tình huống phát sinh. Thông qua các tình huống thực tế và bài tập dự án, sinh viên sẽ phát triển tư duy quản lý chiến

lược, kỹ năng lập kế hoạch, giám sát chi phí, và ra quyết định trong môi trường truyền thông năng động. Đây là nền tảng quan trọng giúp người học trở thành nhà quản lý dự án truyền thông chuyên nghiệp, có khả năng đảm bảo hiệu quả, tính sáng tạo và độ tin cậy cho mỗi chiến dịch.

ỨNG DỤNG ĐỒ HỌA ĐA PHƯƠNG TIỆN

Mã môn học: MUL14113

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Thiết kế đồ họa cơ bản

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ứng dụng đồ họa đa phương tiện trong truyền thông hiện đại, tập trung vào các xu hướng phát triển, nguyên lý thiết kế và quy trình xây dựng sản phẩm đa phương tiện. Người học được trang bị khả năng phân tích, cảm nhận và đánh giá các sản phẩm đồ họa đa phương tiện, đồng thời thực hành thiết kế và sản xuất một số sản phẩm ứng dụng trong hoạt động truyền thông số.

Học phần được bố trí ở học kỳ 4, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Truyền thông đa phương tiện. Đây là môn học kế thừa năng lực từ học phần Thiết kế đồ họa cơ bản. Nội dung học phần bao gồm hai phần chính: Tổng quan về ứng dụng đồ họa đa phương tiện, giới thiệu khái niệm, đặc trưng, vai trò và xu hướng ứng dụng đồ họa đa phương tiện trong truyền thông ở Việt Nam và thế giới; và Quy trình xây dựng sản phẩm ứng dụng đồ họa đa phương tiện, trong đó sinh viên được hướng dẫn phân tích yêu cầu truyền thông, lập kế hoạch, thiết kế storyboard, tích hợp các yếu tố hình ảnh, âm thanh, video, tương tác, và đánh giá sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu và vận dụng kiến thức lý thuyết về đồ họa đa phương tiện để thiết kế, đánh giá và ứng dụng vào thực tiễn truyền thông số, thể hiện được tư duy sáng tạo và khả năng phối hợp công nghệ trong sản xuất nội dung truyền thông hiện đại.

ỨNG DỤNG THIẾT KẾ WEB

Mã môn học: MUL14114

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Thiết kế đồ họa cơ bản

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên lý, quy trình và công cụ trong thiết kế website phục vụ hoạt động truyền thông số. Người học được trang bị khả năng xây dựng cấu trúc, nội dung và giao diện web phù hợp với mục tiêu truyền thông, đồng thời hình thành kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế và nền tảng công nghệ số để tạo lập, trình bày và vận hành website một cách hiệu quả.

Học phần được bố trí ở học kỳ 5, thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện. Đây là học phần có mối quan

hệ kế thừa với học phần “Thiết kế đồ họa cơ bản” (học phần tiên quyết), nhằm giúp sinh viên vận dụng kiến thức về bố cục, màu sắc và hình ảnh vào môi trường thiết kế web.

Học phần đồng thời là nền tảng cho các học phần chuyên sâu về truyền thông số, xây dựng cấu trúc, nội dung, thiết kế giao diện website và sản xuất nội dung đa phương tiện, góp phần hình thành năng lực sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong hoạt động truyền thông hiện đại.

TỔ CHỨC SẢN XUẤT VIDEO

Mã môn học: MUL14205

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Kịch bản đa phương tiện

Tóm tắt nội dung:

Môn học Tổ chức sản xuất video cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tổ chức và sản xuất video, từ việc lên kế hoạch, sử dụng các phần mềm biên tập video đến việc quản lý quy trình sản xuất và làm việc nhóm. Sinh viên sẽ học cách sử dụng các phần mềm biên tập video phổ biến như Adobe Premiere Pro, Avid Liquid, Sony Vegas để tạo ra sản phẩm truyền thông đa phương tiện chất lượng. Môn học cũng chú trọng vào việc áp dụng các công cụ kỹ thuật vào quy trình sản xuất video, giúp sinh viên giải quyết các vấn đề trong quá trình sản xuất và phát triển kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường truyền thông toàn cầu.

TỔ CHỨC SẢN XUẤT PODCAST

Mã môn học: MUL14206

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Viết Đa phương tiện

Tóm tắt nội dung:

Học phần Tổ chức sản xuất podcast là học phần chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 6 – chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện. Học phần này bao gồm 7 chương, khái quát về podcast từ khái niệm, lịch sử ra đời, vai trò, đặc điểm, đặc trưng, ưu nhược điểm, các dạng cho đến chi tiết từng thành tố của âm thanh tổng hợp trong podcast: lời nói, tiếng động, âm nhạc; các kỹ thuật dựng và biên tập âm thanh; kỹ thuật đọc, nói trên podcast; tổ chức sản xuất podcast..

Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành chuyên sâu về quy trình tổ chức sản xuất một sản phẩm podcast hoàn chỉnh, từ giai đoạn hình thành ý tưởng, xây dựng nội dung, tổ chức ghi âm, xử lý âm thanh đến xuất bản và lan tỏa trên các nền tảng số. Giúp người học hiểu được đặc trưng thể loại podcast, các dạng podcast phổ biến, đồng thời thực hành phân tích và xây dựng cấu trúc âm thanh thông qua các thành tố: lời nói, tiếng động, âm nhạc, kỹ thuật dựng – biên tập âm thanh. Đồng thời phát triển năng lực kể chuyện qua âm thanh, phối hợp nhóm trong quy trình sản xuất và định vị phong cách nội dung cá nhân trên môi trường số.

TỔ CHỨC SỰ KIỆN

Mã môn học: MUL14209

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Quản lý dự án truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Học phần này hướng tới việc giới thiệu cho sinh viên về các kiến thức và kỹ năng tổ chức sự kiện, với các loại sự kiện khác nhau sẽ có những tình huống khác nhau đòi hỏi người làm PR phải lên kế hoạch phù hợp để đảm bảo sự kiện diễn ra thành công, góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu, tổ chức và tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với giới truyền thông. Học phần còn giúp sinh viên mở rộng cái nhìn về kỹ năng quản lý, lập kế hoạch và thực thi trong các bối cảnh từ cấp độ sự kiện tầm quốc gia đến các sự kiện quy mô nhỏ, các loại sự kiện khác nhau.

TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH

Mã môn học: MUL14207

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Nhập môn Truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu học phần “Truyền thông chính sách” nhằm giúp sinh viên hiểu rõ bản chất của truyền thông trong chu trình chính sách công; nắm được vai trò, nguyên tắc và đặc thù của truyền thông chính sách so với các loại hình truyền thông khác trong bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa và môi trường truyền thông hiện đại. Trên nền tảng đó, học phần hướng tới việc hình thành năng lực phân tích và đánh giá có hệ thống bối cảnh chính trị - xã hội, đặc điểm văn hóa, công chúng và các bên liên quan của một chính sách công; từ đó nhận diện vấn đề truyền thông chính sách và phản biện, chỉ ra những điểm mạnh, hạn chế của hoạt động/chiến dịch truyền thông đang/đã triển khai. Đồng thời, học phần rèn luyện năng lực thiết kế và trình bày kế hoạch/giải pháp truyền thông chính sách phù hợp, sáng tạo, khả thi, vận dụng linh hoạt các nền tảng, công cụ truyền thông số; và năng lực vận dụng các nguyên tắc pháp lý và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp để lựa chọn, giải thích giải pháp, nội dung và cách ứng xử truyền thông một cách minh bạch, có trách nhiệm, tôn trọng lợi ích cộng đồng và sự đa dạng văn hóa.

Nội dung học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về chính sách công, các giai đoạn của chính sách và vai trò của truyền thông trong từng giai đoạn; phân biệt truyền thông chính sách với truyền thông thương mại, tuyên truyền và các hoạt động truyền thông công khác. Trên cơ sở đó, môn học tập trung vào phân tích bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa, công chúng và các bên liên quan, sử dụng các công cụ như bản đồ stakeholder, persona, empathy map, social listening, khảo sát dư luận để nhận diện vấn đề truyền thông. Học phần tiếp tục đi sâu vào xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông chính sách (mục tiêu, công chúng mục tiêu, thông điệp, kênh, kế hoạch hoạt động, nguồn lực, chỉ số đo lường), thiết kế và sản xuất nội dung truyền thông chính sách trong môi trường số (bài đăng, infographic, video ngắn, chuỗi nội dung mạng xã hội...), lập kế hoạch phân phối nội dung, đo lường hiệu quả, tiếp nhận - xử lý phản hồi của công chúng và ứng phó với các tình huống nhạy cảm, khủng hoảng truyền thông chính sách, bảo đảm tuân thủ các yêu cầu pháp lý và đạo đức nghề nghiệp.

Về phương pháp giảng dạy - học tập: học phần được triển khai theo hướng kết hợp giữa bài giảng lý thuyết, phân tích case study truyền thông chính sách trong và ngoài nước, thảo luận nhóm, bài tập phân tích bối cảnh - công chúng - vấn đề truyền thông, bài tập xây dựng chiến lược/kế hoạch và các buổi workshop thực hành thiết kế, trình bày dự án truyền thông chính sách. Trên lớp, giảng viên trình bày khái niệm, mô hình truyền thông chính sách, kỹ thuật phân tích bối cảnh - công chúng - stakeholder, lựa chọn thông điệp - kênh, thiết kế nội dung và chỉ số đo lường; đan xen với phân tích chiến dịch, minh họa bằng ví dụ báo chí, mạng xã hội, chiến dịch truyền thông số của cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội, NGO; đồng thời chỉ ra các yêu cầu pháp lý và đạo đức trong từng ví dụ. Sinh viên được yêu cầu chuẩn bị bài trước (đọc văn bản chính sách, tài liệu tham khảo, xem chiến dịch mẫu, làm bài tập phân tích ngắn), tham gia thảo luận, phản hồi đồng đẳng, làm việc nhóm để phát triển đề cương dự án; thực hành xây dựng kế hoạch và sản phẩm minh họa, thuyết trình và bảo vệ dự án trên lớp/online, nhận góp ý dựa trên rubric đánh giá, từ đó tự điều chỉnh, hoàn thiện năng lực phân tích, thiết kế giải pháp và ra quyết định truyền thông chính sách phù hợp pháp lý - đạo đức của bản thân.

Kết quả học tập mong đợi: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:

- Phân tích và đánh giá có hệ thống bối cảnh chính trị - xã hội, đặc điểm văn hóa, công chúng và các bên liên quan của một chính sách công cụ thể; từ đó nhận diện vấn đề truyền thông chính sách và phản biện, chỉ ra được những điểm mạnh, hạn chế của hoạt động/chiến dịch truyền thông đang/đã triển khai dựa trên tư duy phản biện và khả năng tích hợp kiến thức liên ngành (văn hóa, lịch sử, lý luận chính trị, truyền thông và công nghệ số).

- Thiết kế và trình bày được kế hoạch/giải pháp truyền thông cho một vấn đề/chính sách công cụ thể (mục tiêu, công chúng, thông điệp, lựa chọn kênh và các hoạt động chủ chốt), bảo đảm tính logic, sáng tạo, khả thi và vận dụng phù hợp các nền tảng, công cụ truyền thông số, kèm theo đề xuất các chỉ số theo dõi, đánh giá hiệu quả trong bối cảnh thực tiễn.

- Vận dụng được các nguyên tắc pháp lý và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong truyền thông chính sách để lựa chọn và giải thích các giải pháp, nội dung và cách ứng xử truyền thông (tiếp nhận phản hồi, xử lý tình huống nhạy cảm/khủng hoảng), thể hiện thái độ trách nhiệm, tôn trọng lợi ích cộng đồng, tính minh bạch và sự đa dạng văn hóa trong bối cảnh đa nền tảng.

THỰC HÀNH CHUYÊN SÂU

Mã môn học: MUL13116

Số tín chỉ: 4

Học phần tiên quyết: Quản lý dự án truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Học phần Thực hành chuyên sâu là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Truyền thông Đa phương tiện, được giảng dạy vào học kỳ 7 trong chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện. Học phần giúp cung cấp cho sinh viên cơ hội vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã học vào các dự án thực tế. Thông qua quá trình thực hành, sinh viên sẽ phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thiết kế, sản xuất nội dung số

và quản lý dự án truyền thông một cách chuyên nghiệp. Môn học tập trung vào các lĩnh vực như thiết kế đồ họa, sản xuất video, truyền thông kỹ thuật số và xây dựng chiến lược nội dung trên các nền tảng đa phương tiện. Sinh viên sẽ làm việc theo nhóm, tiếp cận quy trình làm việc chuyên nghiệp và sử dụng các công cụ, phần mềm chuyên dụng. Kết thúc học phần, sinh viên không chỉ nâng cao năng lực thực hành mà còn xây dựng được portfolio ấn tượng, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng trong lĩnh vực truyền thông số.

CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN

THIẾT KẾ ÁN PHẨM BÁO CHÍ

Mã môn học: MUL1463

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Thiết kế đồ họa cơ bản

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên lý, quy trình và công cụ trong thiết kế ấn phẩm báo chí nhằm phục vụ hoạt động truyền thông hiện đại. Người học được trang bị khả năng phân tích cấu trúc nội dung, bố cục hình – chữ – màu và nguyên tắc trình bày thông tin trong các loại hình ấn phẩm báo chí in và điện tử. Bên cạnh đó, học phần giúp người học hình thành kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế dàn trang, biên tập hình ảnh và xuất bản kỹ thuật số (Adobe InDesign, Canva, Flipsnack, Figma...) để tạo ra các sản phẩm báo chí có tính thẩm mỹ, logic và phù hợp với thông điệp truyền thông.

Học phần được bố trí ở học kỳ 5, thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện. Đây là học phần có mối quan hệ kế thừa với học phần “Thiết kế đồ họa cơ bản” (học phần tiên quyết), nhằm giúp sinh viên vận dụng kiến thức về bố cục, màu sắc và hình ảnh vào môi trường thiết kế ấn phẩm báo chí. Học phần đồng thời tạo nền tảng cho các học phần chuyên sâu về thiết kế truyền thông, sản xuất nội dung đa phương tiện và biên tập đồ họa báo chí, góp phần hình thành năng lực sáng tạo, ứng dụng công nghệ và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động truyền thông hiện đại.

THIẾT KẾ TƯƠNG TÁC ĐA PHƯƠNG TIỆN

Mã môn học: MUL1425

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Thiết kế đồ họa cơ bản

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về các khái niệm cơ bản trong thiết kế tương tác đa phương tiện, vai trò và phân loại các sản phẩm tương tác. Học phần giới thiệu các nguyên tắc quan trọng về thiết kế giao diện người dùng (UI) và trải nghiệm người dùng (UX), công cụ tạo nguyên mẫu (prototyping) và quy trình từng bước để phát triển sản phẩm

tương tác đa phương tiện. Sinh viên sẽ có được kỹ năng và kiến thức cần thiết để thiết kế, đánh giá và tối ưu hóa các giải pháp tương tác chuyên nghiệp.

Học phần được bố trí ở học kỳ 5, thuộc khối học phần tự chọn tự do trong chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện. Học phần có mối liên hệ nội dung với các học phần như Ứng dụng đồ họa đa phương tiện, Ứng dụng thiết kế web, giúp sinh viên mở rộng khả năng ứng dụng nguyên lý thẩm mỹ và công nghệ trong thiết kế giao diện. Đồng thời, học phần tạo nền tảng cho các môn học chuyên sâu hơn về UX/UI, phát triển sản phẩm số và truyền thông tương tác, góp phần nâng cao năng lực sáng tạo và thích ứng của sinh viên trong môi trường truyền thông hiện đại.

NGÔN NGỮ TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL13105

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Viết đa phương tiện

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Ngôn ngữ truyền thông” cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về ngôn ngữ trong các loại hình truyền thông khác nhau, giúp người học hiểu rõ vai trò của ngôn ngữ như một công cụ tạo dựng thông điệp, hình ảnh và giá trị thương hiệu trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Nội dung học phần bao gồm khái niệm và đặc trưng của ngôn ngữ truyền thông; các chức năng, chuẩn mực và nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ trong các môi trường truyền thông đại chúng, kỹ thuật số và mạng xã hội; cũng như cách thức xây dựng, lựa chọn và tổ chức ngôn ngữ phù hợp với mục tiêu, công chúng và phương tiện truyền tải. Sinh viên được tiếp cận và phân tích ngôn ngữ của các nhóm thể loại tác phẩm truyền thông như tin tức, quảng cáo, quan hệ công chúng, truyền hình, phim ngắn, podcast hay truyền thông thương hiệu, từ đó hình thành tư duy ngôn ngữ đa phương tiện và khả năng sáng tạo nội dung phù hợp với từng kênh truyền thông.

Học phần được giảng dạy theo định hướng kết hợp giữa lý thuyết và thực hành sáng tạo. Thông qua các bài tập nhóm, phân tích tình huống, phản biện sản phẩm truyền thông và dự án sáng tạo, sinh viên được rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, chính xác và sáng tạo trong các bối cảnh khác nhau.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nhận diện và phân tích đặc điểm ngôn ngữ của từng loại hình truyền thông; vận dụng các nguyên tắc và chuẩn mực ngôn ngữ để sáng tạo, biên tập và sản xuất các sản phẩm truyền thông phù hợp với mục tiêu truyền đạt và đối tượng công chúng; đồng thời thể hiện khả năng giao tiếp chuyên nghiệp, tư duy phản biện, tinh thần sáng tạo và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông.

TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Mã môn học: MUL13103

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Nhập môn truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Học phần Truyền thông quốc tế trang bị cho sinh viên những kiến thức cập nhật về hoạt động truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa, nơi các dòng thông tin, giá trị và văn hóa giao thoa mạnh mẽ giữa các quốc gia và tổ chức. Môn học giúp người học hiểu rõ bản chất, vai trò và đặc trưng của truyền thông quốc tế trong việc thúc đẩy hình ảnh quốc gia, xây dựng quan hệ hợp tác và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nền văn hóa. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết và mô hình truyền thông xuyên văn hóa; những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp trong môi trường đa văn hóa; các thông lệ và chuẩn mực quốc tế trong hoạt động truyền thông; cùng các vấn đề về luật pháp, chính trị, kinh tế, và văn hóa toàn cầu có liên quan đến thực hành truyền thông. Sinh viên được tìm hiểu cách thức hoạch định chiến lược, thiết kế thông điệp và triển khai các hoạt động truyền thông quốc tế nhằm tăng cường lòng tin, uy tín và sự ủng hộ của công chúng quốc tế đối với tổ chức hoặc quốc gia.

Phương pháp giảng dạy kết hợp giữa bài giảng lý thuyết và thực hành tình huống, với định hướng học theo tình huống và dự án. Sinh viên được khuyến khích phân tích các chiến dịch truyền thông quốc tế thực tiễn, thảo luận tình huống xuyên văn hóa, và tham gia các dự án mô phỏng hợp tác quốc tế nhằm phát triển tư duy phản biện, năng lực giao tiếp đa văn hóa và kỹ năng làm việc trong môi trường toàn cầu.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể phân tích bối cảnh và xu hướng truyền thông trong môi trường quốc tế; vận dụng các nguyên tắc giao tiếp xuyên văn hóa và chiến lược truyền thông toàn cầu trong thực tế; đồng thời thể hiện tinh thần tôn trọng khác biệt văn hóa, năng lực hội nhập, tư duy chiến lược và ý thức đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động truyền thông quốc tế.

KINH TẾ TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL13104

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Nhập môn truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Kinh tế truyền thông” cung cấp cho sinh viên nền tảng lý thuyết về khu vực kinh tế truyền thông như một bộ phận của nền kinh tế thông tin, giúp sinh viên trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản, cấu trúc, chức năng và quy mô của khu vực kinh tế truyền thông; đồng thời mô tả và phân tích được những đặc điểm chính của bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa và môi trường kinh tế có ảnh hưởng tới sự vận hành của doanh nghiệp truyền thông và thị trường truyền thông trong bối cảnh hội tụ truyền thông, số hóa và cạnh tranh nền tảng. Trên cơ sở đó, học phần hướng tới việc hình thành năng lực đánh giá và phản biện tác động của các yếu tố kinh tế, pháp lý và quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, phân phối, tiêu dùng sản phẩm truyền thông; nhận diện rủi ro như tập trung sở hữu, thất bại thị trường, thao túng dư luận và đề xuất, lập luận được các định hướng xử lý/điều chỉnh chính sách hoặc mô hình hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, học phần khuyến khích sinh viên vận dụng các khái niệm và công cụ của kinh tế truyền thông để phân tích một số phương án mô hình kinh doanh, chiến lược sản phẩm/dịch vụ hoặc chính sách giá - phân phối cho doanh

nghiệp/trung tâm truyền thông trong môi trường số, đánh giá mức độ phù hợp với công chúng mục tiêu, xu hướng thị trường và sự thay đổi nhanh chóng của môi trường truyền thông, từ đó tự rút ra bài học, điều chỉnh nhận thức và định hướng phát triển nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kinh tế truyền thông.

Nội dung học phần giới thiệu các khái niệm, phạm trù cơ bản của kinh tế học áp dụng vào lĩnh vực truyền thông: cấu trúc khu vực kinh tế truyền thông, lao động và chi phí trong sản xuất sản phẩm truyền thông, các kênh phân bổ nguồn lực (thị trường, doanh nghiệp, nhà nước), thể chế và kinh tế học thể chế, thất bại thị trường và thất bại quản lý nhà nước, điều tiết và kiểm soát hoạt động truyền thông, giá trị và phản giá trị trong tiêu dùng sản phẩm truyền thông. Học phần đồng thời phân tích cấu trúc thị trường truyền thông, xu hướng tập trung sở hữu và những tác động đối với đa dạng truyền thông và chất lượng nội dung; cấu trúc và chức năng doanh nghiệp truyền thông; các xu hướng chuyển đổi kinh tế trong hệ thống truyền thông (nguồn thu, chi phí, công nghệ, cạnh tranh) và mối quan hệ giữa ngành công nghiệp truyền thông với nền kinh tế và công nghiệp văn hóa, trong đó nhấn mạnh những vấn đề pháp lý và đạo đức nghề nghiệp gắn với hoạt động kinh tế truyền thông.

Phương pháp dạy - học kết hợp giữa bài giảng lý thuyết, thảo luận lớp, phân tích tình huống và bài tập cá nhân/nhóm. Trên lớp, giảng viên trình bày khung lý thuyết kinh tế truyền thông, minh họa bằng các tình huống trong nước và quốc tế về thị trường truyền thông, doanh nghiệp truyền thông, nền tảng số, chính sách quản lý và các vấn đề như thất bại thị trường, tập trung tư bản, thao túng dư luận, rủi ro pháp lý - đạo đức. Sinh viên được yêu cầu đọc tài liệu trước giờ học, chuẩn bị ví dụ minh họa, tham gia thảo luận, phân tích case, thực hiện các bài viết/nghiên cứu nhỏ về thị trường, doanh nghiệp hoặc chính sách trong lĩnh vực truyền thông; qua đó rèn luyện khả năng phân tích, phản biện và thiết kế giải pháp. Trong quá trình làm bài tập, dự án nhỏ, sinh viên được khuyến khích tự đánh giá mức độ hiểu biết và năng lực của bản thân, tiếp nhận phản hồi từ giảng viên và bạn học để điều chỉnh cách tiếp cận, qua đó phát triển định hướng nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời trong lĩnh vực kinh tế truyền thông.

Kết quả học tập mong đợi: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:

- Trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản, cấu trúc, chức năng và quy mô của khu vực kinh tế truyền thông; mô tả và phân tích được những đặc điểm chính của bối cảnh chính trị - xã hội - văn hóa và môi trường kinh tế có ảnh hưởng tới sự vận hành của doanh nghiệp truyền thông và thị trường truyền thông, trên cơ sở vận dụng kiến thức nền tảng về truyền thông và bối cảnh xã hội.

- Đánh giá và phản biện được tác động của các yếu tố kinh tế, pháp lý và quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, phân phối, tiêu dùng sản phẩm truyền thông; nhận diện được rủi ro liên quan đến tập trung sở hữu, thất bại thị trường, thao túng dư luận và đề xuất, lập luận được các định hướng xử lý/điều chỉnh chính sách hoặc mô hình hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong truyền thông.

- Vận dụng được các khái niệm và công cụ của kinh tế truyền thông để phân tích một số phương án tổ chức mô hình kinh doanh, chiến lược sản phẩm/dịch vụ hoặc chính sách

giá - phân phối cho doanh nghiệp/trung tâm truyền thông trong môi trường số; đánh giá mức độ phù hợp của các phương án này với đặc điểm công chúng mục tiêu, xu hướng thị trường và sự thay đổi nhanh chóng của môi trường truyền thông, đồng thời rút ra bài học, điều chỉnh nhận thức và định hướng phát triển nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kinh tế truyền thông.

BÁO CHÍ DỮ LIỆU

Mã môn học: MUL14107

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Nhập môn Truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Học phần giúp người học hiểu khái niệm, đặc điểm của báo chí dữ liệu, bao gồm hiểu và phân tích các sản phẩm báo chí dữ liệu trong thực tế của các trang báo chí uy tín. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức để sản xuất một sản phẩm báo chí dữ liệu.

Học phần bắt đầu bằng chương 1 tổng quan về báo chí dữ liệu về lịch sử, khái niệm, đặc điểm của báo chí dữ liệu. Chương 2 giới thiệu về báo chí dữ liệu và báo chí truyền thông đề cập đến vai trò, nhiệm vụ của báo chí dữ liệu và mối liên hệ giữa báo chí dữ liệu với hệ thống báo chí truyền thông. Tiếp theo đó, chương 3 giới thiệu về tổ chức và sản xuất báo chí dữ liệu về quy trình, các đặc thù hoạt động, bộ máy của báo chí dữ liệu.

AI TRONG ỨNG DỤNG TỰ ĐỘNG HÓA QUY TRÌNH TRUYỀN THÔNG

Mã môn học: MUL14232

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Nhập môn Công nghệ số và Ứng dụng AI

Tóm tắt nội dung:

Học phần “AI trong ứng dụng tự động hóa quy trình truyền thông” (2 tín chỉ) được bố trí trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, nhằm trang bị cho sinh viên Truyền thông đa phương tiện năng lực thiết kế và vận hành các quy trình truyền thông được tự động hóa bằng AI trong môi trường số. Học phần tập trung vào việc nhận diện các “điểm nghẽn” trong chuỗi công việc truyền thông (lên ý tưởng – sản xuất nội dung – xuất bản đa nền tảng – tương tác – đo lường – báo cáo) và lựa chọn công cụ AI phù hợp để tối ưu hoá hiệu suất, bảo đảm tính nhất quán thông điệp và chất lượng sáng tạo. Nội dung bao gồm: nền tảng làm việc với mô hình ngôn ngữ (prompting), quy trình tạo nội dung đa định dạng (bài viết, kịch bản video ngắn, caption, infographic), tự động hoá lịch đăng và phân phối, social listening và phân tích cảm xúc, phân khúc công chúng – cá nhân hoá thông điệp, chatbot/assistant cho chăm sóc cộng đồng, A/B testing nội dung và tự động hoá báo cáo KPI. Học phần cũng nhấn mạnh đạo đức – pháp lý khi dùng AI, quản trị rủi ro (sai lệch, bịa đặt, bản quyền, dữ liệu cá nhân) và chuẩn hoá quy trình để làm việc nhóm hiệu quả. Học phần tiên quyết: Nhập môn Công nghệ số và Ứng dụng AI.

THỰC TẬP

Mã môn học: MUL15212

Số tín chỉ: 4

Học phần tiên quyết: Pháp luật và đạo đức truyền thông

Tóm tắt nội dung:

Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa phương tiện, được thực hiện vào học kỳ cuối. Mục tiêu của học phần là tạo cơ hội để sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết và kỹ năng đã được trang bị vào môi trường làm việc thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, sáng tạo nội dung, thiết kế đồ họa, truyền thông tích hợp hoặc lĩnh vực liên quan.

Trong thời gian thực tập, sinh viên sẽ trực tiếp tham gia các dự án thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách và người hướng dẫn tại đơn vị thực tập. Thông qua đó, sinh viên được tiếp cận và trải nghiệm quy trình làm việc chuyên nghiệp, đồng thời phát triển các kỹ năng nghề nghiệp quan trọng như tư duy thiết kế, làm việc nhóm, giao tiếp chuyên môn, quản lý thời gian, sáng tạo nội dung truyền thông và ý thức tuân thủ các quy định đạo đức, pháp lý và an toàn trong công việc.

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, sinh viên cần chủ động tìm hiểu, phân tích bối cảnh truyền thông thực tế của đơn vị; đề xuất ý tưởng, giải pháp hoặc sản phẩm truyền thông phù hợp. Sinh viên hoàn thiện báo cáo kết quả thực tập thể hiện toàn diện quá trình làm việc, trải nghiệm nghề nghiệp và sự trưởng thành của bản thân, kèm theo các minh chứng cần thiết (nhật ký thực tập, sản phẩm đã thực hiện, đánh giá của đơn vị,...). Kết thúc học phần, sinh viên trình bày và bảo vệ kết quả thực tập trước hội đồng để tổng kết và rút kinh nghiệm cho quá trình phát triển nghề nghiệp tương lai.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã môn học: MUL15213

Số tín chỉ: 6

Học phần tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Tóm tắt nội dung:

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần tổng hợp, yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng và chuyên môn đã tích lũy để giải quyết một vấn đề thực tế phức hợp trong lĩnh vực Truyền thông Đa phương tiện. Học phần diễn ra trong học kỳ cuối, mỗi nhóm sinh viên sẽ thực hiện một dự án truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh, từ khâu xác định vấn đề, thiết kế giải pháp, triển khai sản phẩm đến đánh giá hiệu quả. Kết quả đầu ra bao gồm một giải pháp truyền thông tích hợp hoàn thiện kèm báo cáo khóa luận chi tiết. Sinh viên phải xác định các chỉ số đánh giá hiệu quả (KPIs) phù hợp để đo lường mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn của giải pháp đề xuất ngay trong quá trình thiết kế và thử nghiệm.

Cuối học phần, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và bảo vệ trước hội đồng. Việc đánh giá tập trung vào các năng lực: (i) áp dụng kiến thức nền tảng (khoa học xã hội, lý luận chính trị, chuyên ngành) để xác định và phân tích vấn đề truyền thông phức hợp, (ii)

tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp lý, thể hiện trách nhiệm chuyên môn trong quá trình thực hiện dự án, (iii) giao tiếp hiệu quả bằng nói, viết, hình ảnh trên đa nền tảng và làm việc nhóm để đạt mục tiêu dự án, (iv) thiết kế giải pháp truyền thông sáng tạo dựa trên kiến thức truyền thông và công nghệ số, đáp ứng yêu cầu thực tiễn với tính khả thi cao, (v) triển khai giải pháp và thử nghiệm, phân tích dữ liệu để đánh giá mức độ hiệu quả, và (vi) tự chủ học hỏi, cập nhật công nghệ mới nhằm tích hợp các xu hướng truyền thông tiên tiến vào giải pháp. Những nội dung này gắn trực tiếp với các Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và tiêu chí đánh giá tương ứng.

10. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA (*Chi tiết kèm theo*)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS. **Trần Quang Anh**

**KẾ HOẠCH & TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

NĂM HỌC THỨ NHẤT

Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1 Triết học Mác-Lênin	3	HK1
2 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	HK1
3 Lịch sử văn minh thế giới	2	HK1
4 Pháp luật và sở hữu trí tuệ	2	HK1
5 Nhập môn Công nghệ số và Ứng dụng AI	2	HK1
6 Giáo dục thể chất 1		HK1
7 Giáo dục quốc phòng		HK1
11		
8 Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	HK2
9 Tiếng Anh Course 1	4	HK2
10 Marketing căn bản	3	HK2
11 Nhập môn quảng cáo	2	HK2
12 Nhập môn truyền thông	2	HK2
13 Kỹ thuật nhiếp ảnh	3	HK2
14 Nhập môn PR	2	HK2
15 Giáo dục thể chất 2		HK2
18		

NĂM HỌC THỨ HAI

Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1 Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	HK3
2 Tiếng Anh Course 2	4	HK3
3 Lý thuyết truyền thông	3	HK3
4 Pháp luật và đạo đức truyền thông	3	HK3
5 Thiết kế đồ họa cơ bản	3	HK3
6 1 học phần tự chọn (*)	2	HK3
17		
7 Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK4
8 Quay phim	3	HK4
9 Tiếng Anh Course 3	4	HK4
10 Viết và Biên tập đa phương tiện	3	HK4
11 Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3	HK4
12 Phương pháp luận NCKH	2	HK4
17		

NĂM HỌC THỨ BA

Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1 Phương pháp nghiên cứu truyền thông	3	HK5
2 Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	HK5
3 Tiếng Anh Course 3 Plus	2	HK5
4 Ứng dụng thiết kế web	3	HK5
5 Quản lý dự án truyền thông	3	HK5
6 2 học phần tự chọn (*)	4	HK5
17		
7 PR: Chiến lược và thực hành	3	HK6
8 Truyền thông chính sách	2	HK6
9 Truyền thông nội bộ	3	HK6
10 Tổ chức sản xuất Podcast	3	HK6
11 2 học phần tự chọn (**)	4	HK6
15		

NĂM HỌC THỨ TƯ

Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1 Tổ chức sự kiện	3	HK7
2 Tổ chức sản xuất video	3	HK7
3 Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	3	HK7
4 Thực hành chuyên sâu	4	HK7
5 1 học phần tự chọn (**)	2	HK7
15		
6 Thực tập	4	HK8
7 Tốt nghiệp	6	HK8
10		

Tổng số TC

120

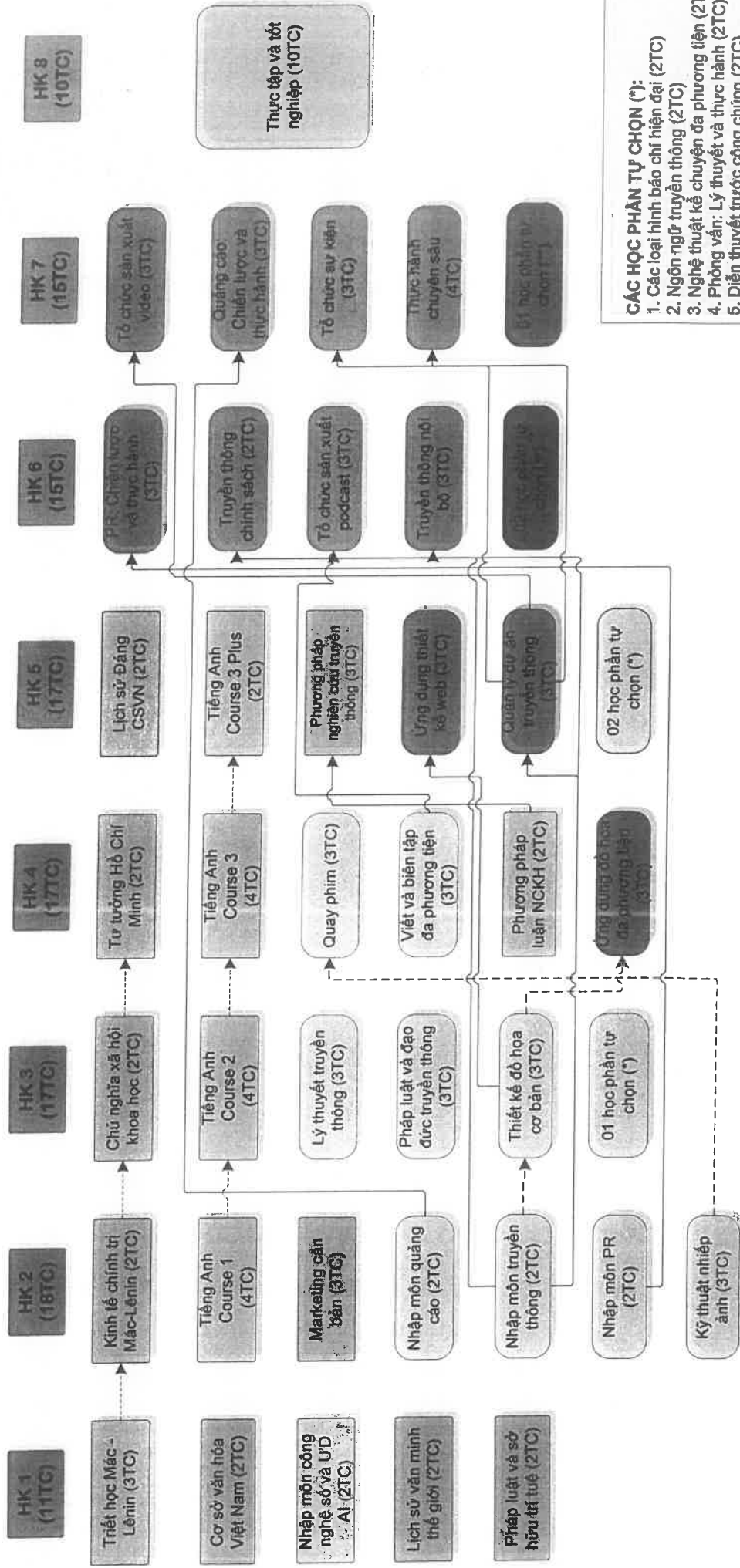
Các học phần tự chọn (*):

1 Các loại hình báo chí hiện đại	2
2 Ngôn ngữ truyền thông	2
3 Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện	2
4 Phỏng vấn: Lý thuyết và thực hành	2
5 Diễn thuyết trước công chúng	2
6 Truyền thông và dư luận xã hội	2

Các học phần tự chọn ():**

1 Thiết kế ấn phẩm báo chí	2
2 Kinh tế truyền thông	2
3 Báo chí dữ liệu	2
4 AI trong ứng dụng tự động hóa quy trình truyền thông	2
5 Truyền thông quốc tế	2
6 Thiết kế tương tác đa phương tiện	2

**TIẾN TRÌNH HỌC TẬP HỌC TẬP CHUẨN
NGÀNH: TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**



- CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN (*):**
1. Các loại hình báo chí hiện đại (2TC)
 2. Ngôn ngữ truyền thông (2TC)
 3. Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện (2TC)
 4. Phỏng vấn: Lý thuyết và thực hành (2TC)
 5. Diễn thuyết trước công chúng (2TC)
 6. Truyền thông và dư luận xã hội (2TC)
- CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN (**):**
1. Thiết kế ấn phẩm báo chí (2TC)
 2. Kinh tế truyền thông (2TC)
 3. Báo chí dữ liệu (2TC)
 4. AI trong ứng dụng tự động hóa quy trình truyền thông (2TC)
 5. Truyền thông quốc tế (2TC)
 6. Thiết kế tương tác đa phương tiện (2TC)

Chủ giải

- Bất buộc chung
- Kiến thức bổ trợ ngành
- Kiến thức cơ sở ngành và ngành
- Kiến thức cơ bản nhóm ngành
- Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết
- Học phần học trước

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC (TIỀN QUYẾT, TRƯỚC SAU)
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học				Môn tiên quyết	Môn học trước
				Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ năm		
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	HK1					
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	MUL1240	2	HK1					
3	Lịch sử văn minh thế giới	MUL12117	2	HK1					
4	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	BSA12117	2	HK1					
5	Nhập môn Công nghệ số và Ứng dụng AI	INT11205	2	HK1					
6	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	HK2					
7	Tiếng Anh (Course 1)	BAS1157	4	HK2					
8	Marketing căn bản	MAR1322	3	HK2					
9	Nhập môn quảng cáo	MUL13120	2	HK2					
10	Nhập môn truyền thông	MUL1391	2	HK2					
11	Kỹ thuật nhiếp ảnh	MUL1313	3	HK2					
12	Nhập môn PR	MUL1395	2	HK2					
13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	HK3					
14	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4	HK3				Tiếng Anh (Course 1)	
15	Lý thuyết truyền thông	MUL13228	3	HK3					
16	Thiết kế đồ họa cơ bản	MUL1426	3	HK3					
17	Pháp luật và đạo đức truyền thông	MUL13230	3	HK3				Nhập môn truyền thông	
18	01 học phần tự chọn (*)		2	HK3					
19	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	HK4					
20	Quay phim	MUL13147	3	HK4					
21	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4	HK4				Kỹ thuật nhiếp ảnh	
22	Viết và Biên tập đa phương tiện	MUL14224	3	HK4				Tiếng Anh (Course 2)	
23	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	MUL14113	3	HK4					
24	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	HK4				Thiết kế đồ họa cơ bản	
25	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	MUL13229	3	HK5				Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	
26	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	HK5					
27	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2	HK5					
28	Ứng dụng thiết kế web	MUL14114	3	HK5				Tiếng Anh (Course 3)	
29	Quản lý dự án truyền thông	MUL14231	3	HK5				Thiết kế đồ họa cơ bản	
30	02 học phần tự chọn (*)		4	HK5				Nhập môn Truyền thông	
31	PR: Chiến lược và thực hành	MUL14109	3	HK6				Nhập môn PR	

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học			Môn tiên quyết	Môn học trước
				Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
32	Truyền thông nội bộ	MUL14208	3	HK6			Nhập môn truyền thông	
33	Tổ chức sản xuất podcast	MUL14206	3	HK6			Viết và Biên tập đa phương tiện	
34	Truyền thông chính sách	MUL14207	2	HK6			Nhập môn Truyền thông	
35	02 học phần tự chọn (**)		4	HK6				
36	Tổ chức sự kiện	MUL14209	3	HK7			Quản lý dự án truyền thông	
37	Tổ chức sản xuất video	MUL14205	3	HK7			Quản lý dự án truyền thông	
38	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành	MUL14111	3	HK7			Nhập môn quảng cáo	
39	Thực hành chuyên sâu	MUL13116	4	HK7			Quản lý dự án truyền thông	
40	01 học phần tự chọn (**)		2	HK7				
41	Thực tập tốt nghiệp	MUL15212	4	HK8				
42	Khoá luận tốt nghiệp	MUL15213	6	HK8				

TỔNG CỘNG:	120	11	18	17	17	17	15	15	10
-------------------	------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Các học phần tự chọn (*)

- 1 Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện
- 2 Điện thuyết trước công chúng
- 3 Các loại hình báo chí hiện đại
- 4 Truyền thông và dư luận xã hội
- 5 Phong vấn: Lý thuyết và thực hành
- 6 Ngôn ngữ truyền thông

Các học phần tự chọn ()**

- 1 Thiết kế ấn phẩm báo chí
- 2 Thiết kế tương tác đa phương tiện
- 3 Truyền thông quốc tế
- 4 Kinh tế truyền thông
- 5 Báo chí dữ liệu
- 6 AI trong ứng dụng tự động hóa quy trình truyền thông

- Nhập môn truyền thông
- Nhập môn truyền thông
- Nhập môn truyền thông
- Nhập môn truyền thông
- Nhập môn truyền thông
- Nhập môn truyền thông

- Thiết kế đồ họa cơ bản
- Thiết kế đồ họa cơ bản
- Nhập môn truyền thông
- Nhập môn truyền thông
- Nhập môn truyền thông
- Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI

MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA VỚI CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA					
		PLO1 (1.1-1.2)	LO2 (2.1-2.3)	PLO3 (3.1-3.2)	PLO4 (4.1-4.3)	PLO5 (5.1-5.2)	PLO6 (6.1-6.2)
Kiến thức chung							
1	Triết học Mác-Lênin			I (Y)			
2	Kinh tế chính trị Mác- Lênin			I (Y)			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học			I (Y)			
4	Tư tưởng Hồ chí Minh			R (Y)			
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam			R (Y)			
6	Tiếng Anh Course 1		I (Y)				
7	Tiếng Anh Course 2		I (Y)				
8	Tiếng Anh Course 3		R (Y)				
9	Tiếng Anh Course 3 Plus		R (Y)				
10	Nhập môn Công nghệ số và Ứng dụng AI		I (Y)			I (Y)	
Kiến thức khoa học xã hội							
11	Lịch sử văn minh thế giới		I (X)				
12	Pháp luật đại cương	I (X)					
13	Marketing căn bản			I (Y)			
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam		I (X)				
15	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	R (Y)					
Kiến thức cơ sở ngành							
16	Nhập môn truyền thông	I (X)					
17	Nhập môn quảng cáo	I (X)					
18	Nhập môn PR	I (X)					
19	Các loại hình báo chí hiện đại	I (X)					
20	Lý thuyết PR						I (X)
21	Lý thuyết truyền thông						I (X)
22	Phương pháp nghiên cứu truyền thông						R (Y)
23	Viết đa phương tiện	R (X,A)	R (X,A)		R (X)	R (Y,A)	
24	Pháp luật và đạo đức truyền thông	R (X)			R (X,A)		
25	Thiết kế đồ họa cơ bản						
26	Kịch bản đa phương tiện						
27	Quay phim						

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA					
		PLO1 (1.1-1.2)	LO2 (2.1-2.3)	PLO3 (3.1-3.2)	PLO4 (4.1-4.3)	PLO5 (5.1-5.2)	PLO6 (6.1-6.2)
28	Kỹ thuật nhiếp ảnh			I (X,A)	I (X,A)		I (X,A)
29	Biên tập đa phương tiện	R (X)			R (X)		R (X)
30	Nghệ thuật kể chuyện đa phương tiện		R (X)			R (X)	R (X)
31	Diễn thuyết trước công chúng		E (X,A)				
32	Truyền thông và dư luận xã hội		R (X,A)				
33	Phòng vấn: Lý thuyết và thực hành		E (X,A)				E (X,A)
Khối kiến thức chuyên ngành							
34	Báo chí dữ liệu	E (X,A)					
35	PR: Chiến lược và thực hành		E (X,A)				E (X,A)
36	Quảng cáo đa phương tiện						E (X,A)
37	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành		E (X,A)				E (X,A)
38	Quản lý dự án truyền thông		R (X,A)				E (X,A)
39	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện						R (Y,A)
40	Ứng dụng thiết kế web		R (X,A)				R (X)
41	Tổ chức sản xuất video						R (X,A)
42	Tổ chức sản xuất podcast						E (X)
43	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	E (X,A)					E (X,A)
44	Truyền thông chính sách	E (X)					E (Y)
45	Thực hành chuyên sâu		E (X,A)				E (X,A)
Các học phần tự chọn							
46	Báo chí điều tra	E (Y)					
47	Thiết kế ấn phẩm báo chí	R (Y)	E (Y)				E (Y)
48	Thiết kế tương tác đa phương tiện	R (Y)					R (Y)
49	Ngôn ngữ truyền thông	E (Y)					R (Y)
50	Truyền thông quốc tế	I (Y)	E (Y)				E (Y)
51	Kinh tế truyền thông	E (Y)	E (Y)				E (Y)
52	Báo chí đa phương tiện	E (Y)	E (Y)				E (Y)
53	Thực tập tốt nghiệp	E (X,A)	E (X,A)				E (X,A)
54	Đồ án tốt nghiệp	E (X,A)	E (X,A)				E (X,A)
Kỹ năng mềm							
1	Kỹ năng thuyết trình		E (Y)				
2	Kỹ năng làm việc nhóm		R (X)				

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA					
		PLO1 (1.1-1.2)	LO2 (2.1-2.3)	PLO3 (3.1-3.2)	PLO4 (4.1-4.3)	PLO5 (5.1-5.2)	PLO6 (6.1-6.2)
3	Kỹ năng tạo văn bản			R (Y)			
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc			R (Y)			
5	Kỹ năng giao tiếp			E (Y)			
6	Kỹ năng tư duy sáng tạo			E (Y)			
7	Kỹ năng đổi mới sáng tạo			E (Y)	E (Y)		

Ghi chú:

I,R,E: mức độ đóng góp của học phần, tương ứng: Giới thiệu, cơ bản (I), Củng cố, phát triển thêm (R), Nâng cao, hoàn thiện (E)

X: đóng góp trực tiếp

Y: đóng góp gián tiếp

A: dùng để đo lường đóng góp vào PLO

DANH SÁCH MÔN HỌC/HỌC PHẦN THAY THẾ HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
(Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-HV ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Học viện)

STT	Tên môn học/học phần (bị thay thế)	Môn học thay thế hoặc tương đương	Ghi chú
1	Lý thuyết PR (mã MUL14108, 2TC)	Lý thuyết truyền thông (mã MUL13228, 3TC)	
2	Viết Đa phương tiện (mã MUL1396, 2TC)	Viết và Biên tập đa phương tiện (mã MUL14224, 3TC)	
3	Biên tập Đa phương tiện (mã MUL13210, 3TC)	Viết và Biên tập đa phương tiện (mã MUL14224, 3TC) <i>hoặc</i> Tổ chức sự kiện (mã MUL14209, 3TC)	
4	Kịch bản đa phương tiện (mã MUL1423, 2TC)	Tổ chức sự kiện (mã MUL14209, 3TC)	
5	Phỏng vấn: Lý thuyết và thực hành (mã MUL1399, 2TC)	Phương pháp nghiên cứu truyền thông (mã MUL13229, 3TC)	
6	Truyền thông và dư luận xã hội (mã MUL1394, 2TC)	Truyền thông nội bộ (mã MUL14208, 3TC)	
7	Quảng cáo đa phương tiện (mã MUL14110, 2TC)	Quảng cáo: Chiến lược và thực hành (mã MUL14111, 3TC)	
8	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông (mã MUL13102, 2TC)	PR: Chiến lược và thực hành (mã MUL14109, 3TC)	
9	Báo chí dữ liệu (mã MUL14107, 2TC)	Sinh viên lựa chọn một trong các học phần tự chọn trong Danh sách (<i>nếu học phần không mở lớp</i>)	

Danh sách gồm 09 môn học/học phần